

CHƯƠNG 3: VĂN XUÔI VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1945 - 1975

3.1. Văn xuôi Việt Nam giai đoạn 1945 - 1954

3.1.1. Các sắc diện tiêu biểu

Sau Cách mạng tháng Tám, hầu hết các nhà văn Tiễn chi nhân vật tình huống hình thức mới. Các khuynh hướng văn học đã có từ trước 1945 vẫn tiếp tục phát triển theo quán tính. Nhưng từ đây, văn học cách mạng chính quy nhân thức dân chúng mới ra đời công khai và trở thành dòng chính.

Các nhà văn lãnh đạo văn tiếp tục sáng tác nhưng có thay đổi về chủ đề và thể loại. Hình thức tính nhân vật vô tình công nghệ hiện thực và cách mạng trong tác phẩm. Tuy nhiên, nhân vật có góc nhìn riêng về cách mạng và tiếp tục dân tộc nên đôi lúc công không tránh khỏi va chạm với các khuynh hướng văn học khác. Những tác phẩm này cũng chủ yếu trên báo Ngày nay, Chính Nghĩa, tạp chí Văn hóa và cách mạng... Chúng ta có thể chia các nhà văn lãnh đạo sau năm 1945 làm hai nhóm.

Nhóm thứ nhất là những nhà văn có lập trường tiến bộ, chủ yếu là các cây bút trước cách mạng. Nhà văn Linh không còn sáng tác nhân vật từ những văn tham gia các hoạt động văn hóa. Khái Hưng viết *Khúc tiêu ai oán*, *Chàng xâm lược*, *Búp và Búp...* dưới hình thức phóng đại ám chỉ tình hình chính trị phức tạp lúc bấy giờ. Ngoài ra, còn phải kể đến các nhà lý luận như Trường Tu, Nguyễn Công Quanh... Những nhà văn theo khuynh hướng này có vị trí chủ yếu trong môi trường cách mạng. Từ khoảng sau năm 1950, khuynh hướng này hoàn toàn tách ra khỏi dòng văn học kháng chiến chống Pháp.

Nhóm thứ hai là những nhà văn lãnh đạo hòa nhập vào xu thế chính trị mới. Những sáng tác của họ trong hai năm 1945 - 1946 vẫn còn rập rình một vài đặc điểm. Trong *Nguyễn*, *Chùa Đàn*, Nguyễn Tuân vẫn còn hình ảnh lãnh đạo. Những tác phẩm *Vô gia đình*, *Cố hương*, *Ngày xưa tôi đi cách mạng*, ông đã có một tinh thần cách mạng triệt

. C ng nh v y v i Hoài Thanh (*Dân khí mi n Trung*), Xuân Di u (*Vi t Nam nghìn d m, Mi n Nam n c Vi t và ng i Vi t mi n Nam*), Nguy n Huy T ng (*Chi n khu, M t phút y u u i*), Huy n Ki u (*Gi c m ng êm giao th a*), *Cánh ng l ng tâm* (Lê V n Tr ng), *Nh ng k s ng sót* (K V n Nguyên), *Cô gái Bình Xuyên* (H Dz nh), và L u Tr ng L , Thanh T nh...

Các nhà v n hi n th c h i nh p vào cách m ng nhanh chóng h n c . Tr c n m 1945, h ã nh n ra m t trái c a ch th c dân - phong ki n. Nay, ch y b l t , d nhiên là h h h i chào ón ch m i. M t s nhà v n hi n th c ã t ng tham gia H i V n hóa c u qu c t tr c Cách m ng nh Nguyên H ng, Nam Cao, Tô Hoài... H h ng say dùng ngòi bút ph ng s cách m ng t nh ng ngày u thành l p ch m i. Trong hai n m 1945 - 1946, các nhà v n hi n th c ã nhanh chóng chi m l nh v n àn nh : Ph n (*Khao*), Nguyên H ng (*a ng c, Lò l a*), Nam Cao (*Mò sâm banh, Cách m ng*), Tô Hoài (*V t nh*), M nh Phú T (*Rãnh cày n i gi n*)...

M t trong nh ng s ki n thu hút c nhi u v n ngh s tham gia là phong trào Nam Ti n. Nam Cao h m h tham gia và ghi l i c m t ng vui m ng c a mình trong *ng vô Nam*. Tô Hoài b ng xem Nam B là quê h ng c a mình, “*cái quê muôn i ang r c r trong máu*” (Nh quê). H ng Vi t Sinh vào Nam Trung B , th y cái gì c ng m i l và k p th i ghi chép nh ng gi phút hào hùng y trong ký s *Phú Yên kháng chi n*...

u n m 1947, chính quy n Vi t Minh chuy n th ô lên Vi t B c. Các nhà v n giã t Hà N i hoa l lên chi n khu tham gia cu c kháng chi n tr ng k . ây là s ki n l n trong cu c i vi t v n c a h . N u nh lúc còn Hà N i, nhi u ng i còn day d t v i thói quen c thì gi ây, h ã d t b hoàn toàn con ng i c b t u m t “cu c tái sinh màu nhi m” (Hoài Thanh), “cu c h i sinh v i” (Nguy n Huy T ng)...

Nguyễn Tuân có thái độ dứt khoát, ông tuyên bố: “Tôi tuyên bố: tôi không thừa nhận sự tồn tại của nhà văn Việt Nam năm 1945 như Vang bóng một thời, Nguyễn, Thi u quê hương... Ông tiến hành một cuộc “lột xác” trở thành nhà văn - chiến sĩ cách mạng. Trong những năm tháng toàn quốc (tháng 7 - 1948), Nguyễn Tuân công bố làm Tổng thư ký Hội văn nghệ Việt Nam. Ông hàng hái viết tác phẩm và cho ra đời nhiều tác phẩm mới như: *Ng vui, Chân gì i, L i ng c, Tình chi n d ch, Th ng càn...*

Nhiều nhà văn Tiền chiến khác cũng hàng hái tham gia kháng chiến. Dù có trải qua nhiều khó khăn, nguy hiểm, họ vẫn không ngừng nỗ lực phong trào. Nam Cao từng làm “anh tuyên truyền viên nhãi nhép”. Ông viết *Đôi mắt, Bên cây s cách m t c n c ch, Chuy n biên gì i, Nh t ký r ng...* Nam Cao mất năm 1951, trong lúc tài năng đang nở rộ. Ngô Tất Tố bắt đầu hình thành nghề văn công nhân dân thu thập các tác phẩm văn học cách mạng Trung Quốc. Ông cũng sáng tác các tác phẩm: *N chi n s Bùi Th Phác, óng góp và các truy n Quà t t b i, Bu i ch trung du.* Ngô Tất Tố qua đời một tháng trước ngày kháng chiến thành công.

Trong số các nhà văn Tiền chiến tham gia cách mạng còn có: Nguyễn Công Hoan (*Ng chí T, X ng c i*), Tô Hoài (*Núi C u Qu c, Truy n Tây B c, Xu ng làng*), Kim Lân (*Làng*), Thạch Lân (*Tay i b m*), Nguyễn H ng (*êm gì i phóng, t n c yêu d u, Con nuôi b p Ba*), Lưu Trọng L (*Chi n khu Th a Thiên*), Bùi Hi n (*ánh tr n gì c lúa, G p g*), Đoàn Phú T (*H n Dóm*)... Số lượng tác phẩm của các nhà văn Tiền chiến không nhiều, một phần vì họ bắt đầu tham gia các công việc thực tiễn do cách mạng giao phó. Một phần vì chưa tìm được ngôn ngữ mới.

Bên cạnh hàng nhà văn Tiền chiến, còn xuất hiện một thế hệ nhà văn mới. Họ bắt đầu sáng tác từ sau Cách mạng và sớm trở thành lực lượng chủ chốt của văn học kháng chiến. Các nhà văn trẻ này, không có giai đoạn “nhập môn” và cũng không có khái niệm “lột xác” như các nhà văn Tiền chiến. Hàng hái nỗ lực thực hiện cuộc sống và sáng tác đúng theo đường lối văn nghệ của lãnh đạo Việt Minh.

Đi ng nhà v n tr ng thành trong kháng chi n ch ng Pháp t khu IV tr ra g m có: Nguy n ình Thi (*Xung kích*), Tr n ng (*M t l n t i th ô, Tr n ph Ràng, M t cu c chu n b*), Thép M i (*C gi i phóng, Trách nhi m*), Võ Huy Tâm (*Vùng m*), Nguy n Kh i (*Xây d ng*), Siêu H i (*Voi i*), H Ph ng (*Th nhà*), Tr n (*Lòng tin*), V S c (*T c p d ng*), T Bích Hoàng (*Anh y tá Minh*), Hà Minh Tuân (*Nh ng ngày máu l a*), Nguy n Trinh C (*Em Ng c, N ng*), Thép M i (*S c m nh t t d y lên, Trong th gi i công binh x ng*), V Tú Nam (*Bên ng 12, Sau tr n núi anh, Nhân dân ti n lên*), Nguy n Kh c Th (*Tr n Thanh H ng*)...

Đi ng nhà v n tr ng thành trong kháng chi n ch ng Pháp t khu V tr vào có: Nguy n V n B ng (*Con trâu*), T nh Hà (*Ngày mùa*), Nguy n Thành Long (*Bát c m c H*), Minh L c (*Con ng s ng*), Tr n V n An (2747), Hoàng V n B n (*V t*)... ó là ch a k nh ng nhà v n ã có m t trong kháng chi n ch ng Pháp nh ng lúc này, h ch vi t báo và thai nghén nhi u tác ph m cho giai o n sau nh Nguyên Ng c, Tr n D n, Sao Mai, H ng Ch ng...

N m 1949, t i Vi t B c, Chính ph t ch c H i ngh v n ngh b i. H i ngh này có hai ý ngh a l n: Th nh t, phát ng các v n ngh s u quân có t li u vi t v b i. Th hai, phát ng phong trào sáng tác trong b i, t ó, phát hi n ra nh ng tài n ng m i. Nh ó, s l ng tác ph m do b i vi t và vi t v b i r t nhi u. Nh ng tác ph m này th ng c ng trên báo V qu c quân trung ng và các quân khu, báo V n ngh và in trong các tuy n t p.

Có th k m t s tác ph m ký v tài b i nh : *Sau gi chi n u* (Tu n S n), *M t c nh sinh ho t v n ngh c a b i* (Hoàng i p), *M t êm sôi máu* (Sao), *ng chí già* (Lê H i), *Anh ba bom* (Tu n Vinh), *Anh bi t ng quân* (M c Lâm), *Anh trinh sát m t tr n Ngh a L* (Chính Yên), *Anh y tá Hoàng* (Ph m Trung Tiêm)... *T p v n cách m ng và kháng chi n c ng* có nhi u bài ký v tài chi n tranh cách m ng. Trong t p *V qu c quân vi t* (1949), ng i ta c chiêm ng ng chân dung anh b b i c H qua nh ng cây bút m i. Nh ng tác ph m này, nói úng ra ch m i là nh ng ghi chép ng n ch ch a ph i là nh ng tác ph m ngh thu t

cao: *Những ngày máu lã, Hai năm c m trên ẻo Giàng, Lê Sơn La, Vác i bác u i gi c, Những ngày làm lính, Cho ng, Lên ng, V t qua biên gi i, i quy t t thành Nam, Hành quân chi n u, Hành quân trú quân ...*

3.1.2. M t s c i m và thành t u

V n xuôi cách m ng Vi t Nam sau n m 1945 c ng t o c nhi u c i m riêng, ch a t ng có trong v n xuôi Vi t Nam tr c ó. Ch xét riêng trong giai o n kháng chi n ch ng Pháp, v n xuôi cách m ng có nh ng c i m sau:

3.1.2.1. Ph n ánh cu c chi n tranh cách m ng v i cái nhìn a di n, nhi u chi u

Tr c n m 1945, chi n tranh v n là còn i u xa l v i ng i dân Vi t Nam. H ch bi t n chi n tranh th i trung i qua nh ng trang s Tàu ho c các tí u thuy t l ch s u th k XX. Nay, chi n tranh ã n, cu n toàn b dân t c vào vòng xoáy c a l a n. Các v n ngh s c ng c ch ng ki n nhi u s vi c không gi ng nh s t ng t ng trong sách v tr c ây. Và m i nhà v n ã ph n ánh chân thành cách c m, cách ngh c a mình v cu c chi n. Trong giai o n này, cái nhìn c a h v chi n tranh có nhi u ch không gi ng v i giai o n sau n m 1955.

V n là ng i r t cá tính, Nguy n Tuân c ng nhìn nh n cách m ng t góc riêng c a mình. Trong *C c l p*, ông xem cách m ng là “màu ác d ”. Nhân v t chính c a truy n - Th n cách m nh x ng danh: “*Ta là k t tinh c a Phá ho i. ta sinh ra t n i B t công. B t bình là nguyên quán c a ta. Ta là ng i H n lo n. Ta là s n ph m c a Chênh l ch. Ta là... ch t o ra Bình l a (...)* Ta tàn b o mà chân thành, d d i mà p”. Và th n cách m nh quát b o th n Sông, th n Núi: “*L ch s bây gi là c a Lý trí ch không khi nào là Tình c m n a, nghe không !*”. Nh ng phát ngôn gây s c này, d nhiên, ch là s n ph m c a th i i m n m 1946.

Hình nh con ng i trong v n xuôi Vi t Nam nh ng n m u kháng chi n v n còn mang kh u khí “yêng hùng”. Nguy n Huy T ng k chuy n *chi n khu*: “*Ph ng ph t âu ây c nh oai nghiêm nh ng thanh niên t i tr c hàng s m ki m và hình dáng m nh m c a nh ng “ki m khách” lên ng*”. Trong hàng ng chi n s tham

gia *Trần phàn Ràng*, mới nghĩ mới viết. Nổi bật có hình ảnh vị trí người P.N làm l m chuỗi ki m, viết nghiêm túc... (Trần phàn). Trong một vài tác phẩm, người chỉ nói có nội tâm phức tạp. Nguyễn Hoàng không chuyển mặt cán bộ vào viết truyện. Anh ta mang tâm trạng hoang mang lo sợ bất trí, và cũng sợ công chức của mình nghĩ... (*Liên lạc*).

Truyện *Đội m t c* của Nam Cao phần ánh xạ ý nghĩa màu sắc t i trong buổi kháng chiến chống Pháp. Tác giả miêu tả nhân vật phần ánh mặt trời và miêu tả nhân vật Hoàng phần ánh mặt trời t i m c a các thành phần xã hội. Trí thức có lo ngại quan, trùm chôn nh Hoàng và có lo ngại tích cực dần thân nh. Cán bộ cũng có hai mặt: một tình cách m ng nh ng li d t nát, làm việc máy móc. Chỉ nói “*hát Tiến quân ca nh ng i c u kinh ngái ng mà lúc ra trận thì xung phong can m l m*”. Quên chúng nông dân cũng tích cực nh giác ch nh ng thái quá thành ra tò mò t c m ch. không thuyết phục Hoàng tham gia cách mạng. Đây là cách kết thúc không có hậu và không theo khuôn mẫu nh h ng nh trong văn xuôi giai đoạn sau.

3.1.2.2. Bộ xây dựng hình mẫu con người tập thể

Những nhân vật kháng chiến, văn xuôi văn còn xây dựng những con người đi đ n, đ bi t. Tuy nhiên, càng về sau, con người cá nhân nh ng ch cho con người công ng. người này xuất phát từ niềm vui của cách mạng: toàn kết các thành phần xã hội thành một khối m nh m ánh th ng ch. Trong *Dân khí m n Trung*, Hoài Thanh phát biểu “toàn thể tái tạo chúng tôi, và trong buổi không khí mới của giảng s n, chúng tôi, những nhân nhân cá thể i ch “tôi” - hay mu ng i là t i nhân công c - chúng tôi th y r ng i s ng riêng cá cá nhân không có nghĩa gì trong i s ng bao la cá oàn thể”. Xuân Diệu cũng viết b cái tôi cá nhân và hòa nhập vào quên chúng cách mạng: “Tr i i, quên chúng quá tình nhân”.

Trước năm 1945, trong văn xuôi hậu nh không có lo ngại nhân vật quên chúng. Sau Cách mạng, các văn nghệ sĩ tìm kiếm con người mới cá thể i. Nguyễn

Hùng và Kim Lân thâm nhập thực tế “tìm nhân vật, nhìn nhận xem con người bây giờ khác thế nào”. Mục tiêu và nhiệm vụ thành công và tài năng dân như Nam Cao mà vẫn chưa dám nói hi vọng nông dân. Khi cùng họ ánh sáng thì mới “ngã ngựa ra. Té ra người nông dân này chính mình vẫn có thể làm cách mạng” (*Đội mìn*). Các văn nghệ sĩ “hào hứng dồn mình vào quần chúng” (*Trên đường*) miêu tả cho đúng và hay con người quần chúng trong thời kỳ này.

Trong truyện và Văn xuôi, Hoàng Văn Bình cũng cho thấy quá trình đấu tranh giành quyền lợi cá nhân trong mối chi phối hòa mình vào cái chung tập thể. Hình ảnh nhân vật ám ảnh xúc động hiện rõ nét trong *Xung kích* của Nguyễn Đình Thi. Truyện có rất nhiều nhân vật nhưng hầu như không có nhân vật chính. Tất cả các nhân vật đều miêu tả vị trí ngang nhau: Sơn, Thông, Cường, chú Lý... Chúng ta cũng gặp những tập thể khác, quần chúng nhân dân như vậy trong các truyện và ký như: *Tên cướp* (Văn Sĩ), *Những chiến sĩ Hà Nội* (Tô Hoài), *Dân làng Sĩ* (Xuân Trừ), *Một sáng mát mẻ* (Như Mai), *Một lần trong mưa* (Lam Sơn)...

Trước năm 1945, nhiều nhà văn hiện thực đã miêu tả thành công loại nhân vật hiện hình. Tuy nhiên, hình thức miêu tả hiện hình xu hướng tiêu cực. Sau năm 1945, loại nhân vật hiện hình tích cực chú trọng nhiều hơn. Vấn đề cách mạng chú trọng miêu tả nhân vật quần chúng như ai là người hiện hình cho phong trào quần chúng? Nguyễn Đình Lạp phát biểu: “Người lính - một nhân vật hiện hình cá thể hiện hình”. Trong *Hội nghị văn nghệ* năm 1949, người ta đã thảo luận về “hiện hình dân quân”, “hiện hình bộ đội”, “hiện hình cá nhân”, “hiện hình nhân vật” và “sự biến đổi cá tính những con người khác nhau thành người lính Việt Nam hiện hình” (tổng thu thập của Nguyễn Huy Tưởng, báo Văn nghệ, tháng 12 - 1949).

Nhiệm vụ tác phẩm xây dựng nhân vật hiện hình tập thể như: tập thể chiến sĩ: *Một lần tôi đi* (Trên đường), *Xung kích* (Nguyễn Đình Thi), *Bên đường 12* (Văn Tú Nam)...; tập thể nông dân: *Con trâu* (Nguyễn Văn Bình); tập thể công nhân: *Vùng mỏ* (Võ Huy Tâm)... hiện hình cá nhân, có *Những người lính gác đêm* (Thanh Phong), *Đội mìn* (Nam Cao). Trong *Văn xuôi* A Ph, Tô Hoài đã khá thành công

trong việc xây dựng tính cách và hoàn cảnh nhân hình. Ông xây dựng hai bối cảnh nhân hình: Hàng Ngai - nhân hình cho xã hội cũ và Phiến Sa - nhân hình cho xã hội mới và A Phấn - nhân hình cho giai cấp bóc lột, thế lực Pá Tra và A Sấn - nhân hình cho giai cấp thống trị. Còn ông tìm tòi docta về cách A Phấn nói cho thấy quá trình người dân Tây Bắc tự giải phóng mình từ phát phát giác.

Trong miêu tả nhân vật, các nhà văn cách mạng chú trọng miêu tả hành động hơn nội tâm. Vì vậy xuất phát từ nhu cầu thực tế: cách mạng đòi hỏi hình ảnh con người hành động (nhân vật) hơn là nội tâm trừu tượng lý suông (như Hoàng) (đôi mắt). Nam Cao đã nhận xét trong *Văn học quân đội*: “Nhân vật người viết cần như nhân vật thật là nhân vật con người hành động. Họ sinh và tồn tại, chiến đấu và khuất phục. Tâm lý họ không phiến phần, rờn rợn. Họ gần gũi và thiết thực, không vì nội dung, vì văn”. Trong truyện ngắn *Làng* của Kim Lân, nhân vật ông Hai lâm vào một tình huống bị kẻ thù, bị mất làng vì tin làng Dục đã theo giặc. Ông Hai đau khổ nhưng không có chính kiến riêng, chỉ nghe theo đám đông chúng. Vì vậy cho thấy, mặc dù tác giả có miêu tả tâm lý nhân vật nhưng đây vẫn là tâm lý tập thể, do đó ông nhận thấy nhân vật chưa có tâm lý riêng rõ nét.

Trong văn học kháng chiến chống Pháp, việc xây dựng hình tượng con người quần chúng, nhân vật tập thể, nhân vật điển hình cách mạng chủ yếu là bằng cách tham gia vào. Phiến Sa giai đoạn sau, việc làm này mới trở thành quy định bắt buộc và phổ biến trong văn học.

3.1.2.3. Thế lực ký ức mùa, tiểu thuyết chính trị

Trong chiến tranh, người ta cần các thế lực phản ánh kịp thời các sự kiện nóng hổi. Thế lực ký ức văn học phản ánh nhanh nhạy các vấn đề thời sự. Những bản tin phóng sự được phát hành kịp thời trên báo chí, đài phát thanh hoặc trong các buổi hội họp. Bản chất của ký chuyên viết văn học mang tính chuyên nghiệp thì về mặt thể loại, có tác dụng nêu gương, cảnh tỉnh người. Trong khi tiểu thuyết được xem là thế lực

c u, b a t, không ph n ánh hi n th c m t cách chân xác và có tính th i s cao nh ký.

Do i u ki n khó kh n v nhà in, gi y m c nên nhà v n ch a th vi t nh ng tác ph m dài nh ti u thuy t. Trong khi ó, ký có dung l ng ng n nh nh ng trình sát viên c ng và g n nh , thích h p v i b i c nh chi n tranh. M t khác, th lo i ký ít òi h i k thu t vi t. Nó thích h p v i nh ng cây bút chi n s không chuyên. Mà l c l ng này r t ông, có m t h u h t các a ph ng và n v b i. Th i gian vi t m t tác ph m ký c ng ng n h n ti u thuy t.

Tr c n m 1945, nhi u ng i xem ký ch là th lo i h ng 2. Tuy nhiên, sau n m 1945, h u h t các nhà v n Ti n chi n u xem th lo i ký là binh ch ng ch l c c a mình trong kháng chi n ch ng Pháp. Nam Cao có: *B n cây s cách m t c n c ch, Chuy n biên gi i, Nh t ký r ng...* Tô Hoài vi t khá nhi u, nh ng n i ti ng h n c là t p *Núi C u Qu c, Ng c sông Thao, V t Tây Côn L nh, i i Th ng Bình...* Nguy n Huy T ng có *Ký s Cao L ng*, Nguy n Tuân có *ng vui, Tình chi n d ch*, Nguy n H ng có *t n c yêu d u...* Các nhà v n tr ng thành trong kháng chi n ch ng Pháp c ng xem tác ph m ký kh i nghi p cho s nghi p sáng tác c a mình: Tr n ng (*Tr n ph Ràng, Lúa m i*), Nguy n Kh c Th (*Tr n Thanh H ng*), Nguy n Kh c M n (*Ông C c*), Nguy n V n Th m (*ng i muôn d m*), Nguy n ình Thi (*Thu ông n m nay*)... Và nh ng bài vi t trong các *T p v n cách m ng và kháng chi n, V qu c quân vi t...*

Trong giai o n này, có nhi u tác ph m ký vi t v các cán b lãnh o Chính ph . ó là *Nh ng m u chuy n v i ho t ng c a H Ch t ch* (Tr n Dân Tiên), *Hai l n v t ng c* (Tr n ng Ninh), *Tr n C* (Nam Cao), *Khu gi i phóng* (Võ Nguyên Giáp), *Ngh a L v t ng c - Ngh a L kh i ngh a* (Tr n Huy Li u)... N m 1952, Chính ph cho xu t b n t p *Truy n anh hùng chi n s thi ua*, c a nhi u tác gi vi t v La V n C u, Ngô Gia Kh m, Nguy n Th Chiên, Tr n i Ngh a, Hoàng Hanh, Nguy n Qu c Tr , Giáp V n Kh ng, Nguy n Th Mùi... Nh ng tác ph m ký v “g ng chi n u” xu t hi n r t nhi u trên báo chí.

M t s s ki n l n trong th i k kháng chi n ch ng Pháp c ng c ph n ánh k p th i trong ký. Ch ng h n, t n m 1953, chính ph phát ng phong trào gi m tô và c i cách ru ng t. Hàng lo t ký ra i c v k p th i cho ch tr ng này: *a ch gi t h i gia ình tôi* (Nguy n Th Chiên k , V Cao ghi), *G i kh* (Tr ng H a), *Bóng nó còn bám l y xóm làng* (Nguy n Tuân), *Th a ru ng v hoang* (Xuân Tr ng), *V ch kh* (nhi u tác gi)...

T n m 1951 tr i, m t s truy n có dung l ng t ng i l n xu t hi n. Ng i ta th ng g i nó là truy n v a, ho c c ng có ng i g i là ti u thuy t. Nam B có hai tác ph m truy n v a là 2747 c a Tr n V n An và *V t c a Hoàng V n B n*. Tuy nhiên, hai tác ph m này ít ph bi n và s m th t l c. N i ti ng h n c là *Xung kích* (Nguy n ình Thi, 1951), *Vùng m* (Võ Huy Tâm, 1951) và *Con trâu* (Nguy n V n B ng, 1952). Ba tác ph m này xây d ng nên nh ng hình t ng con ng i m i thu c ba l c l ng c b n c a kháng chi n: Công - Nông - Binh.

M c dù không có nh ng tác ph m ti u thuy t úng nh tên g i c a nó nh ng ý th c vì t ti u thuy t v n luôn nung n u trong u các nhà v n. Nguy n Huy T ng ao c vi t “nh ng pho s thi biên niên h t s c h p d n” ph n nh cu c kháng chi n v i c a dân t c. Nam Cao ã vi t c kho ng 7, 8 trang c a cu n ti u thuy t nh ng b d vì hy sinh. Nguy n ình Thi, Nguy n Công Hoan, Nguyên H ng... u khao khát vi t m t tác ph m dài h i ph n ánh h t nh ng s ki n áng nh trên nh ng n o ng kháng chi n.

Tuy nhiên, không ít nhà v n v n còn b ng khi b t tay vi t m t tác ph m dài trong bu i “nh n ng”, có nhi u i u còn ch a thông su t. ó là ch a nói n s b n kho n trong vi c l a ch n bút pháp, cách xây d ng nhân v t. Nói nh Tô Hoài: “vi t cái hay thì ch th y ch khô khan, vi t cái d thì d có tình c m” (*T nh n xét t ng, ngh thu t c a tôi*). Nói cách khác, i v i v n xuôi, cu c kháng chi n 9 n m nh m t th i k gieo h t làm nên m t mùa thu ho ch giai o n sau.

3.2. Văn xuôi Việt Nam giai đoạn 1954 - 1964

3.2.1. Các sắc khí tiêu biểu

Sau chiến thắng ở Biên Phủ, hòa bình lập lại trên miền Bắc. Cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội gặp nhiều khó khăn. Mặt hàng bông công giáo đi vào Nam, mang theo nhiều tài sản, nhân lực và chất xám. Nhiều kinh tế miền Bắc bắt đầu thoái lui sau chiến tranh. Trong giai đoạn 1955 - 1960, người ta còn bận rộn trong việc xác định hướng đi cho nền kinh tế Việt Nam. Sau năm 1960, miền Bắc mới xác định rõ con đường tiến lên CHXN. Tình hình thế giới cũng phức tạp. Chiến tranh Việt Nam và Phong trào trẻ trung hoa hậu Trung Quốc lan tới Việt Nam, úng vào thời điểm các văn nghệ sĩ đang bận rộn “nhận hàng” lần thứ hai. Văn là “tổ hợp nghệ thuật ánh nhìn thế kỷ”, văn xuôi không thể không bám sát diễn biến thế sự đương đại.

Người nhà văn giai đoạn này cũng khá đông đảo và có nhiều thành phần, đa dạng về bút pháp. Nhiều nhà văn tiến bộ và tiến bộ sáng tác, có phần sung sức hơn thời kháng chiến. Nhiều nhà văn trở thành tác giả kháng chiến như Pháp ĩ trở thành người chỉ đạo của văn xuôi giai đoạn này. Bên cạnh đó, một số người nhà văn trở lại thi văn. Có thể họ đã từng tham gia kháng chiến nhưng chưa có tác phẩm công bố vào thời kỳ này. Cũng có những nhà văn trở thành tác giả trong hòa bình...

Có thể nêu một số cây bút trở thành tác giả sau năm 1955 như: Hoàng Hà, Văn Linh, Phạm Hữu Tùng, Xuân Thu, Võ Bảo, Hữu Mai, Sao Mai, Lê Hoàn, Nguyễn Trí Tình, Xuân Việt, Nguyễn Quang Thân, Hoàng Tuấn Nhã, Hải Hải, Trúc Hà, Hà Minh Tuấn, Xuân Tùng, Trần Thanh, Xuân Cang, Nguyễn Thuần, Xuân Thiệu, Phạm Thế Ngũ, Bùi Ngọc Tấn, Lê Ngọc Sơn, Châu Diên, Mạnh Sơn, Trần Kim Thành, Xuân Sách, Huyền Kiều, Lâm Phương, Nguyễn Quang Tín, Văn Dân, Mai Ngọc, Ngô Ngọc Bích, Hoàng Tín, Xuân Khánh, Hoài An, Huy Phương, Hà Ân, Lê Phương, Phù Thế Ngũ, Trần Kim Thành, Phan Văn Tùng, Trần Xuân An, Nguyễn Kiên...

áng chú ý có m t s t ng l nh quân i tham gia vi t h i ký nh : Võ Nguyên Giáp, Chu V n T n, Tr n , V ng Th a V ... S l ng nhà v n n c ng xu t hi n ông o h n tr c: V Th Th ng, Nguy n Th Ng c Tú, Hoàng Th Ái, Hà Th Qu , C m Th nh, Bích Thu n... Và xu t hi n thêm m t s nhà v n dân t c thi u s , tiêu bi u là Nông Minh Châu (Tày) và Y iêng (Ê ê)...

Sau n m 1954, nhi u nhà v n mi n Nam t p k t ra B c. H ã b sung m t l c l ng áng k cho i ng nhà v n mi n B c. ó là các nhà v n g c Trung B nh : Nguyên Ng c, Lê Khâm, Ph m Ki t, Nguy n Thành Long, Ph m H , Phùng Quán... Và nh ng nhà v n Nam B nh : Minh L c, oàn Gi i, Tr n Kim Tr c, Ph m Anh Tài, Hoàng V n B n, Bùi c Ái, Nguy n Ng c T n, Nguy n Quang Sáng, Lê Khánh, Vân An, Tr n Thanh Giao...

Bên c nh nh ng nhà v n t chi n khu tr v , nh ng nhà v n t Nam ra, c ng có m t s nhà v n t ng sáng tác trong vùng ch t m chi m. Bên c nh nh ng nhà v n ã b t nh p m ch c m h ng sáng tác m i, v n còn nh ng nhà v n vi t theo c m h ng c . Các nhà v n v n còn có s khác nhau v quan i m th m m và chính tr . i u ó ph n ánh tình hình ph c t p v v n hóa t t ng mi n B c trong nh ng n m u hòa bình.

M t s nhà xu t b n và báo chí t nh v n ho t ng trong nh ng n m 1955 - 1957. M t s v n ngh s m di n àn tranh lu n trên báo Nhân v n, các t p Giai ph m (mùa Xuân, mùa Thu, mùa ông) và m t s bài trên báo V n và t p t m i. Trong s ó có nh ng truy n ng n gây tranh cãi nh : *Lão R ng* (Tr n D n), *Mua hàng m u d ch* (Thanh Châu), *Nh ng ng i kh ng l không tim* (Tr n Duy), *Ông N m Chu t* (Phan Khôi), *Tr ng h p tòng quân c a thi u úy Nguy n Lâm*, *Bích xu ra* (Th y An), *êm không ng* (V Th Hiên)...

M t s ti u thuy t c ng gây s chú ý c a d lu n. i v i ti u thuy t t n c ng lên, nhi u ng i ánh giá r t cao nh ng vài ng i c ng không ng tình khi tác ph m này c trao gi i Nh t c a H i V n ngh Vi t Nam 1954 - 1955. Hai ti u

thuyết *Ng i ng i l p l p* và *V t Côn o c c gi* khen ngợi. Nhưng khi Trần D n và Phùng Quán tham gia nhóm Nhân văn - Giai phẩm thì hai tác phẩm này ít c nh c t i. *Mùa hoa d c a V n* Linh c ng c d l u n chú ý m t th i nh ng sau ó không c nh c t i n a.

Ti u thuyết *Cái sân g ch c a ào V c ng* t ra nhi u v n khó kh n trong bu i u h p tác hóa nông nghi p. Nó t o ra di n àn tranh lu n sôi n i su t hai n m 1959 - 1960. C ba ti u thuyết c a Nguyễn Công Hoan ra i trong giai o n này c ng gây tranh cãi là *Tranh t i tranh sáng, H n canh h n c , ng rác c*. Ngoài ra, còn ph i k n: *Vào i* (Hà Minh Tuân), *M i n m* (Tô Hoài), *M h m* (Nguyễn D u), *Nh ng ng i th m* (Võ Huy Tâm), *Phá vây* (Phù Th ng)...

Ngoài ra, m t s tác phẩm khác c ng c a ra bàn b c, góp ý nh : *M t trò ch i nguy hi m, V nhà* (Nguyễn Thành Long), *Thao th c* (oàn Gi i), *Im l ng* (Nguyễn Thi), *Ph* (Nguyễn Tuân), *M t ngày ch nh t, B n n m sau* (Nguyễn Huy T ng), *Bi n ng* (T t Vinh), *M ch n c ng m* (Nguyễn Ng c), *Chuy n nhà chuy n x ng* (Nguyễn Thành Long), *S ng tan* (Hoàng Ti n), *t l a* (Nguyễn Quang Sáng), *V thành ph* (Nguyễn V n B ng), *p* (Xuân Càng), *Ngang trái* (Chu V n), *M t h t* (H u Mai), *Câu chuy n m t gia ình* (H Ph ng), và m t s truy n ng n khác nh : *V t th ng, Sau hai chi n d ch, Trong núi...* Nhưng tác phẩm vi t v s a sai trong c i cách ru ng t c ng b nh c nh : *Anh Cò L m* (Tr n D n), *Ông lão hàng xóm* (Kim Lân), *S p c i, Phá ám* (V Bão), *Nh ng ngày bão táp* (H u Mai), *Thôn B u th c m c* (Sao Mai)...

Giai o n này c ng có nhi u cu c thi v n xuôi. ó là cu c thi vi t v tài kháng chi n do T ng c c chính tr Quân i t ch c n m 1957. Cu c thi vi t v “Nh ng k ni m sâu s c trong i b i” do báo Quân i nhân dân t ch c n m 1957. Cu c thi “ i s ng b i trong hòa bình” do t p chí V n ngh quân i t ch c n m 1958 - 1959. Cu c thi truy n ng n do báo V n ngh t ch c n m 1958. Cu c thi truy n ng n do báo V n h c t ch c n m 1959 - 1960. Cu c thi vi t v tài mi n Nam do báo Th ng nh t t ch c n m 1960. Cu c thi vi t v th y giáo và nhà

tr ờng do báo Ng ười giáo viên nhân dân t ừ ch ợc n ăm 1961. Cuộc thi truy ền ng ữ, bút ký, phóng s ả do báo V ườn h ọc t ừ ch ợc n ăm 1962 - 1963. Các tác ph ẩm có ch ợc t ả ng trong cuộc thi ợc in trong các t ạp truy ền và ký. Qua các tác ph ẩm ợc t ả gi ới, ng ười ta có thể hình dung ph ần nào đi ể n ăm ợc và thành t ừ c ả n ữ v ườn h ọc giai ợc n ày.

3.2.2. M ột số c ả i m và thành t ừ

3.2.2.1. S ố phong phú v ề tài

Trong su ốt 30 ể n ăm chi ến tranh, v ườn xu ôi cách m ợc Vi ết Nam giai ợc n 1955 - 1964 có số ả đ ợc v ề tài h ọc . Bên c ạnh nh ữ ng ợc tài ợc xu ất hi ể n t ừ các giai ợc n ợc tr ợc, nay, xu ất hi ể n thêm m ột số ợc tài sau:

❖ tài kh ợc chi ến ch ợc Pháp

Sau 9 ể n ăm kh ợc chi ến ch ợc Pháp, các nhà v ườn ợc tích l ợc ợc nhi ữ t ả li ữ c ợc n ợc thi ết v ề chi ến tranh cách m ợc. H ồ mu ốn vi ết t ừ ng k ể quá kh ợc hào hùng, tr ợc n ợc quá kh ợc . B ể v ợc y, sau khi hòa bình l ợc l ợc i, hàng lo ợc t ừ truy ền ng ữ và ti ữ thuy ết ra i.

V ề ti ữ thuy ết, có thể k ể n ợc: *M ột chuy ể n chép b ể nh ữ vi ển* (Bùi ợc Ái), *Hoa h ợc đ ợc ng* (ợc ợc Gi ợc i), *Thanh niên Hà N ợc i* (V ườn Tân), *Nh ợc ợc mùa* (Xuân Tùng - Tr ợc n Thanh), *Cá b ợc ng mú* (ợc ợc Gi ợc i), *M ột ch ợc ng ợc ng* (Nguy ển Kh ợc i), *Cao i m cu ợc i cùng* (H ợc u Mai), *Chi ến ợc sau h ợc a tuy ển* (Lê Thang Thang), *G ợc p l ợc i ng ợc i b ợc n nh* (Nguy ển ợc Chi), *Bên kia biên ợc i*, *Tr ợc c giò n s ợc úng* (Lê Kh ợc ợc m)...

V ề truy ền và ký, có: *Tr ợc i đi c Pa g t H ợc i Phòng* (Sao Mai), *K ợc chuy ể n i n Biên* (Tr ợc n ợc), *Ng ợc i con gái vinh quang* (Nguy ển Kh ợc i), *Nh ợc ng ngày v ợc t ừ ng c* (Tr ợc ng Sinh), *ợc ng thanh niên*, *D ợc i h ợc m S ợc n La* (Tr ợc n Huy Li ợc u), *T ợc núi r ợc ng Ba T* (Ph ợc m Ki ợc t), *T ợc nhân dân mà ra* (V ợc ợc Nguy ển Gi ợc ợc ợc). Và các tuy ển t ạp ký c ả nhi ữ tác gi ợc : *Nh ợc n dân ta r ợc t anh hùng*, *M ột vài h ợc i c v ợc i n Biên Ph ợc , t ừ xung kích cu ợc i cùng*, *Nh ợc ng k ợc ni m sâu s ợc c trong i b ợc i*, *Ký s ợc v ợc t ừ ng c...*

❖ tài mi n Nam và khát v ng th ng nh t n c nhà

T sau n m 1955, trong v n xuôi Vi t Nam có thêm m t tài m i: khát v ng th ng nh t n c nhà. i u này xu t phát t hi n th c chính tr Vi t Nam sau hi p nh Gi ne v : t n c chia c t làm hai mi n, t ng tuy n c không thành. Nh ng ng i con mi n Nam t p k t ra B c luôn kh c kho i n i nh quê. Nh ng nhà v n mi n B c c ng xót xa tr c c nh t n c chia c t. tài mi n Nam v i n i khát khao th ng nh t n c nhà tr thành m t n i dung l n trong v n xuôi lúc b y gi . N m 1960, báo Th ng nh t t ch c cu c thi vi t v tài mi n Nam và thu hút khá nhi u tác gi mi n Nam tham gia.

Có th k ra m t s tác ph m tiêu bi u nh sau: *Nam B m n yêu* (Hoài Thanh), *Bi n ng* (T t Vinh), *Tr ng sáng, ôi b n* (Nguy n Ng c T n), *Mùa m a* (Hoàng V n B n), *ón m t mùa xuân m i t mi n Nam* (Nguy n V n B ng), *Mi n Nam b t khu t* (Nhu n V), *Sau m t n nhân v* (Xích i u), *Quê m i* (Dân H ng), *Tr n a m i* (Phù Th ng), *Bi n ng* (T t Vinh), *ôi b* (Nguy n D u, Nh t Hiên), *ôi b n* (Nguy n Ng c T n), *V k ch cô giáo* (Giang Nam), *Ng i quê h ng, Nh t ký ng i l i* (Nguy n Quang Sáng), *V làng* (Phan T), *Ng ng lên* (Ph m H u Tùng). Và tuy n t p truy n c a nhi u tác gi : *Th v n mi n Nam, Con ng phía tr c, Má N m C n Th , T tuy n u T qu c...*

❖ tài c i t o nông nghi p và xây d ng i s ng m i nông thôn

Trong th i gian t 1953 n 1954, có m t vài tác ph m nói v tài c i cách ru ng t nh ng ch a nhi u. Ph i sau n m 1955, tài này m i c xu t hi n nhi u trong v n xuôi. M t s nhà v n c phân công tham gia i c i cách ru ng t. H ã vi t nhi u tác ph m c v ch tr ng gi m tô và c i cách ru ng t c a chính ph . Các tác ph m tiêu bi u: *Nông dân v i a ch* (Nguy n Công Hoan), *Th a ru ng v hoang* (Xuân Tr ng), *B p l a* (Nguy n V n B ng), *ng quê hoa n* (Hoàng Trung Thông), *t chuy n* (Nguy n Kh c Th), *Truy n anh L c* (Nguy n Huy

T ng), *Nông thôn là c a chúng ta* (Tr n Thi), *Ông lão ch n bò trên núi Th m* (Xuân Thu)...

Sau khi th c hi n thành công vi c c i t o ru ng t, Chính ph ti n hành công cu c h p tác hóa nông nghi p. Nh ng v n Riêng và Chung c t ra gay g t trong bu i u công h u hóa. Có th th y tình hình ph c t p y trong: *Cái sân g ch - V lúa chiêm* (ào V), *Xung t* (Nguy n Kh i), *Hòn á côi* (Th ch Gi n - c Ánh)... V sau, công cu c h p tác hóa c th c hi n thành công. Nhi u truy n ng n ã d ng lên b c tranh lao ng h ng say, vui v c a bà con xã viên trong vi c làm n chung: *ng tháng n m, V mùa ch a g t* (Nguy n Kiên), *Gánh vác, Hai ch em* (V Th Th ng), *Con ò* (V Lê Mai)...

i ôi v i vi c c i t o nông nghi p là vi c xây d ng i s ng m i nông thôn. Tàn d c a xã h i phong ki n v n còn nhi u, c n tr nh ng ch tr ng m i c a Chính ph . Các cán b và qu n chúng tích c c ph i v t v y lùi t duy c , xây d ng i s ng m i: *D i mái l u tranh* (Lê oàn), *Hai v , Trai làng Quy n* (Nguy n ch D ng), *Bên ng n c úng* (Bút Ng - Ngô Ng c B i), *i b c n a* (Nguy n Th Ph ng), *Xóm m i* (H Ph ng), *Ngày xuân, K chuy n quê nhà* (V Tú Nam), *Hu* (Nguy n Th Ng c Tú), *Ánh sáng bên nhà hàng xóm* (Chu V n), *Ch c Phây* (Ngô Ng c B i), *Nh p s ng m i* (nhi u tác gi)...

Ngoài ra, trong giai o n 1955 - 1964, v n xuôi Vi t Nam c ng phát tri n các lo i tài nh : Dân t c và mi n núi, tài xã h i Vi t Nam th i Pháp thu c, tài tình h u ngh các dân t c, tài công nghi p...

3.2.2.2. S a d ng v c m h ng th m m và bút pháp ngh thu t

So v i v n xuôi trong 30 chi n tranh, giai o n 1955 - 1964 có s a d ng h n c v c m h ng th m m và bút pháp ngh thu t. Lý do, nh ng khuynh h ng th m m t tr c n m 1945 v n ti p t c t n t i. Thêm vào ó, ch ngh a xét l i Liên Xô và phong trào Tr m hoa ua n Trung Qu c c ng tác ng n c m h ng sáng t o c ng nh cách th hi n nhân v t trong v n xuôi Vi t Nam. Bút pháp hi n th c XHCN

ang hình thành nh ng ch a vào nh hình chu n m c. M i ng i có m t quan ni m th m m khác nhau, t ó, c ng t o ra nh ng cu c tranh cãi sôi n i.

Trong ngh thu t, ng i ta th ng phân chia ra các ph m trù th m m nh : cái p - cái x u, cái bi - cái hài, cái cao c - cái t m th ng... V n h c cách m ng Vi t Nam sau n m 1965 ch ph bi n hai ph m trù cái p và cái cao c . Nh ng trong giai o n 1955 - 1964, t t c các ph m trù u t n t i. Nh t là trong các tác ph m nh : *S ng mãi v i th ô* (Nguy n Huy T ng), *Vào i* (Hà Minh Tuân), *t l a* (Nguy n Quang Sáng), *M i n m* (Tô Hoài), *Con chó x u xí* (Kim Lân). Các ti u thuy t trào phúng: *M t nhà i thi n x* (Nguy n T o), *Ph t* (Bùi Huy Ph n). Và các ti u ph m c a Xích i u nh : *Tr ng en*, *Sau m t n nhân v*, *Ng i hay v t ? G n c kh i trong ...*

N u chia các th tài v n h c thành hai lo i: l ch s dân t c (s thi) và th s i t (ti u thuy t) thì v n xuôi giai o n 1955 - 1964 c ng dung h p c hai c m h ng trên. Có nh ng tác ph m nghiêng v ch t ti u thuy t nhi u h n nh *ng rác c* (Nguy n Công Hoan), *V nh t* (Kim Lân), các tác ph m vi t v s a sai c i cách ru ng t: *S p c i*, *Phá ám* (V Bão), *Nh ng ngày bão táp* (H u Mai), *Thôn B u th c m c* (Sao Mai)... Ph n l n nh ng tác ph m này u b u n n n, phê bình. Nh ng ph bi n h n c là nh ng tác ph m mà tác gi bi t cách x lý hài hòa c ch t s thi và ti u thuy t nh : *Mùa m a* (Hoàng V n B n), *M h m* (Nguy n D u), *Nh ng ng i th m* (Võ Huy Tâm), *B n n m sau* (Nguy n Huy T ng)...

Vào cu i nh ng n m 1950, các nhà lý lu n phê bình Liên Xô b t u “xét l i” nh ng nguyên lý v cách th hi n con ng i trong v n h c. Quan ni m “con ng i bình th ng”, “con ng i mang tính nhân lo i ph quát” có nh h ng t i Vi t Nam. Nhi u nhà v n Vi t Nam c ng xây d ng nhân v t theo tinh th n “t ng hòa các m i quan h xã h i”. N i b t là nh ng chi n s anh hùng mang trong mình các u nh c i m r t i th ng nh : các t v thành (*S ng mãi v i th ô* - Nguy n Huy T ng), Tu n (*Cao i m cu i cùng* - H u Mai), S n Linh (*Bên kia biên gi i*) và Chánh (*Tr c gi n súng* - Phan T), Ba Râu, Út Nh (*Trên m nh t này* - Hoàng V n B n)... Và

các nhân vật “nhân nguyên” trong *Ánh mặt* (Bùi Hiên), *Văn học* (Kim Lân)... Nhiều nhà phê bình cho rằng, loại nhân vật gốc cũ không thích hợp cho nền văn học mới.

3.2.2.3. Sự xuất hiện thể loại tiểu thuyết xã hội

Thể loại tiểu thuyết xã hội dần hình thành từ thế kỷ 19 và phát triển mạnh mẽ trong nền văn xuôi Xô viết thế kỷ XX. Thể loại này dung hòa nhu cầu thẩm mỹ của nhân loại và các giá trị đạo đức, cái cao cả và nhân ái. Nó cũng dung hòa nhu cầu tài năng và tài lực của dân tộc giữ vai trò chính. Âm hưởng của tiểu thuyết xã hội là anh hùng ca, khẳng định sự tiến bộ của cách mạng.

Thể loại này càng mạnh mẽ xuất hiện trong văn xuôi Việt Nam từ năm 1945 những năm đầu thành lập nước sau năm 1955 miền Bắc. Nhà nghiên cứu người Nga Niculin ghi nhận: “Cuối những năm 50 - đầu những năm 60, văn học của nước Việt Nam dân chủ xã hội hòa nhập vào giai đoạn mới. Bằng chứng hiển nhiên cho thấy đó là sự xuất hiện của một thể loại tiểu thuyết và thẩm mỹ, tiểu thuyết xã hội”.

Thể loại tiểu thuyết xã hội chủ yếu là những tác phẩm có dung lượng lớn. Trong giai đoạn 1955 - 1975, văn xuôi Việt Nam xuất hiện những tiểu thuyết xã hội như: *Cabin* (Nguyễn Hữu Nghĩa), *Vết* (Nguyễn Đình Thi), *Sống mãi với thành* (Nguyễn Huy Tưởng), *Rừng U Minh* (Trần Hữu Minh), *Mẹ và tôi* (Phan Thị), *Du hành cùng lính* (Nguyễn Minh Châu), *Lục lạc - Hoa lạc - Di lạc* (Đào Văn)... Những tác phẩm này có dung lượng và phạm vi ảnh hưởng có thể nói là cao thì phải kể đến: *Ngôi nhà* (Trần Dần), *Tên của ông* (Nguyễn Ngọc), *Cao đi cùng* (Hữu Mai), *Trên giêng* (Lê Khâm), *Tuổi trẻ Hoàng Văn Thụ* (Tô Hoài)...

Ngày nay, nội hàm khái niệm xã hội chủ nghĩa, không chỉ có tiểu thuyết xã hội mà còn có truyện ngắn xã hội, thơ tình xã hội, kịch xã hội... Mỗi một thể loại văn học cách mạng Việt Nam giai đoạn 1945 - 1975 là một nền văn học xã hội. Tính chất xã hội thể hiện trong tất cả các thể loại. Trong lĩnh vực văn

xuôi, có thể kể đến các truyện ngắn nổi bật: *Rừng xà nu* (Nguyễn Trung Thành), *Những đứa con trong gia đình* (Nguyễn Thi)... Ký sự nổi bật: *Tên nhân dân mà ra* (Võ Nguyên Giáp), *Hà Nội 60 ngày khói lửa* (Văn Thành Việt), *Bát Khuất* (Lê Phụng)...

Nhìn chung, xét trong khoảng thời gian 30 năm chiến tranh thì văn xuôi cách mạng Việt Nam giai đoạn 1955 - 1964 đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Nó có sự dung hòa nhuần nhuyễn thành tựu văn xuôi đã có từ thời Tịch Chi và kết hợp với nguyên lý của văn xuôi hiện thực XHCN. Nó phát triển trong sự đa dạng, phức tạp. Cũng vậy, những nhà văn nghiêm túc lùi dần. Các nhà văn học tập xây dựng nên một nền văn xuôi thuần khiết hiện thực XHCN giai đoạn sau.

3.3. Văn xuôi Việt Nam giai đoạn 1965 - 1975

3.3.1. Các tác phẩm tiêu biểu

Năm 1965, Miền Bắc quân vào miền Nam và ném bom miền Bắc. Tuy vậy, nhiệm vụ chiến lược miền Bắc có sự thay đổi: không chỉ xây dựng CNXH mà còn chiến tranh phá hoại bằng không quân của Miền Bắc và chỉ việc cho cách mạng miền Nam. Văn nghệ sĩ cũng bám sát tình hình thế sự của đất nước. Các nhà văn cũng phân công nhiệm vụ vùng miền trong công tác phản ánh kết quả những sự kiện nóng hổi. Nhiệm vụ nhà văn đã xung phong vào tiền tuyến miền Nam và tuyến lửa khu Bắc.

Các văn nghệ sĩ thực hiện cùng xu hướng trên chiến lược mới: nhà văn Tịch Chi, nhà văn trở thành trong kháng chiến chống Pháp, nhà văn trở thành trong 10 năm hòa bình và nhà văn trở thành thi ca của Miền Bắc. Các nhà văn thế hệ thế này cũng ào ạt hoàn toàn thực hiện XHCN. Hơn nữa, có sự thăng tiến cao trên nhiệm vụ phản ánh đời sống chính trị, cảm hứng thẩm mỹ, bút pháp nghệ thuật... Tuy nhiên, các nhà văn này còn trở nên hình thức có nội dung xông xáo những chiến tranh nguy hiểm nhất.

Có thể nêu tên một số nhà văn tiêu biểu trở thành trong thời kỳ này như: Thanh Hải, Lê Triết, Lê Minh, Trần Tế Bình, Lê Phụng, Hoàng Châu, Cẩm Thôn, Nguyễn Khắc Phê, Trần Mai Nam, Mã Văn Kháng, Nguyễn Thị Nhàn Trang,

Gi i c bi t:

- *T tuy n u T qu c* (t p th t c a nhi u tác gi)
- *S ng nh anh* (truy n ký c a Tr n ình Vân)

Gi i chính th c:

- *Nh ng ngày gian kh* (h i ký c a nhi u tác gi)
- *C u Long cu n sóng* (bút ký c a Tr n Hi u Minh)
- *Ng i m c m súng* (truy n ký c a Nguy n Thi)
- *B c th Cà Mau* (t p truy n và ký c a Anh c)
- *V làng* (t p truy n c a Phan T)
- *Tr ng S n hùng tráng* (bút ký c a H ng Châu)
- *R ng xà nu* (t p truy n và ký c a Nguy n Trung Thành, Nguy n Thi u Nam)
- *Hòn t* (ti u thuy t c a Anh c)

Trong s 10 tác ph m o t gi i, th ký ã chi m 8 tác ph m. Nh v y, có th th y r ng, trong giai o n này, ng i ta u tiên th lo i ký nhi u h n. mi n B c, th lo i ký phát tri n r t m nh b i nó ph n ánh k p tình hình chi n s nóng h i. Có th k m t s tác ph m tiêu bi u nh : *H s ng và chi n u* (Nguy n Kh i), *Chúng tôi C n C* (H Ph ng), *Nh ng ngày n i gi n* (Ch Lan Viên), *i ng hôm nay* (nhi u tác gi)... S l ng ti u thuy t ít h n giai o n tr c, t h m chí, trong n m 1965 không xu t b n m t cu n ti u thuy t m i nào.

Trong giai o n 1965 - 1975, i s ng phê bình v n xuôi không sôi ng b ng giai o n tr c. H u h t nhà v n u quán tri t ng l i v n ngh c a Chính ph . B i v y, ít có nh ng “v án” v n h c h n giai o n tr c. Ch có m t vài tr ng h p b u n n n nh nhàn nh : *Cái g c* (Nguy n Thành Long), *Tình r ng* (Nguy n Tuân), *M t êm i tàu* (Phú)...

Nh ng tác ph m t mi n Nam g i ra c các nhà phê bình u ái nhi u h n. Truy n ký *S ng nh anh* (Tr n ình Vân) c ánh giá r t cao. Nhi u tr ng h c, n v, c quan phát ng phong trào h c t p t m g ng c a anh Nguy n V n Tr i.

Như vậy, tác phẩm này có thể bị nhìn nhận khác. Tùy bút *Chúng ta ở* (Nguyễn Trung Thành) từng là sách gối đầu giường của thanh niên miền Bắc. Và nhiều tác phẩm khác cũng “vang bóng mặt trời” như: *Ngôi nhà của chúng ta* (Nguyễn Thi), *Hòn đất* (Anh Đức), *Tuyển tập truyện ngắn* (nhà văn tác giả), *Mình và tôi* (Phan Tản), *Du thuyền trên biển* (Nguyễn Minh Châu)...

3.3.2. Một số tác phẩm và thành tựu

3.3.2.1. Chiến tranh chính của văn xuôi: Cuộc tranh giành giành miền Nam và miền Bắc XHCN

Văn xuôi giai đoạn này vẫn tiếp tục viết về tài chiến tranh. Tuy nhiên, nó khác với các giai đoạn trước đó: trong giai đoạn 1945 - 1954, cuộc chiến tranh giành giành dân tộc diễn ra trên phạm vi quốc gia. Còn giai đoạn 1965 - 1975, nhiệm vụ chiến đấu là giành giành miền Nam và miền Bắc vùng miền miền Bắc. Giai đoạn 1955 - 1964, thời chiến tranh thế giới vẫn diễn ra trong quá khứ, không còn mang tính thời sự. Còn trong giai đoạn 1965 - 1975, chiến tranh trở thành văn học nóng hổi mang tính thời sự. Hoàn cảnh xã hội tác động đến văn học, chiến tranh ảnh hưởng sâu sắc đến văn học.

Nhiệm vụ hàng đầu của các văn nghệ sĩ giai đoạn này là phản ánh kịp thời tình hình chiến sự trên miền Bắc. Một nhà văn nổi tiếng thời kỳ này là nhà báo xông xáo trong chiến trường. Văn xuôi tập trung miêu tả chiến tranh miền Bắc những ngày chiến tranh: nhân dân xây dựng công sự, xuất hiện máy bay địch. Có thể lấy ví dụ trong: *Ngày và đêm* (Nguyễn Kiên), *Bông hoa súng* (Vũ Thị Thu), *Làng Cát* (Cẩm Thach), *Những ngày chiến đấu* (Châu Lan Viên), *Hương và chiến đấu* (Nguyễn Khôi), *Chúng tôi chiến đấu*, *Những tháng ngày quân thù mà bạn* (Hồng Phong), *Vào lán*, *Một trận trên cao* (Nguyễn Đình Thi), *Buổi tối và dòng sông* (Mai Ngọc), *Ngôi nhà* (Hoàng Văn Bền), *Hương thơm thiêu huỷ* (Nhà văn tác giả)...

Nhiệm vụ thứ hai của cách mạng miền Bắc là chiến đấu với chiến tranh, chiến đấu cho cách mạng miền Nam. Có hàng trăm truyện ngắn, tiểu thuyết, ký sự miêu tả những

c nh quen thu c nh sau: oàn xe t i ch hàng ra ti n tuy n. Máy bay ném bom phá ng. Thanh niên xung phong làm l i ng thông xe. Tình ng chí, tình yêu n y n trong nh ng ngày gian kh . Có th th y i u ó trong: *Nh ng vùng tr i khác nhau* (Nguy n Minh Châu), *ng trong mây* (Nguy n Kh i), *Con ng môn y* (ào V), *m t cung ng* (Xuân Sách), *Gi ng* (Th ch Gi n), *Nh ng ng i m ng* (V H u Ái), *Nh ng ng i cùng tuy n* (H i H), *Thung l ng Cô Tan* (Lê Ph ng), *Sao B ng* (Nguy n Gia Nùng)... Nhi u tác ph m miêu t b i ch l c c a mi n B c chi n u chi n tr ng mi n Nam nh : *D u chân ng i lính* (Nguy n Minh Châu), *Chi n s* (Nguy n Kh i), *Sao Mai* (D ng Hà)...

Trung tâm chú ý c a c n c lúc b y gi là chi n tr ng mi n Nam. V n xuôi cách m ng ã cung c p cho b n c m t b c tranh khá sinh ng v mi n Nam nh ng n m tháng chi n tranh. Chúng ta có th tìm hi u b c tranh chi n tranh du kích Trung B qua các tác ph m: *Kan L ch* (H Ph ng), *Thôn ven ng* (Xuân Thi u), *Trên quê h ng nh ng anh hùng i n Ng c*, *R ng xà nu*, *t Qu ng* (Nguy n Trung Thành), *Gia ình má B y*, *M n và tôi* (Phan T), *D i ám mây màu cánh v c* (Thu B n)... Chúng ta có th tìm hi u phong trào du kích mi n Nam qua các tác ph m: *Ng i m c m súng*, *Nh ng a con trong gia ình* (Nguy n Thi), *Hòn t*, *Gi c m ông lão v n chim* (Anh c), *R ng U Minh* (Tr n Hi u Minh), *Chi c l c ngà*, *Quán r u ng i câm*, *Mùa gió ch ng* (Nguy n Quang Sáng), *Mùa n m tràm*, *t trong làng* (ình Quang Nhã)...

Không ch miêu t cu c chi n tranh du kích vùng nông thôn, mi n núi mà nhi u tác ph m c ng tái hi n không khí u tranh các thành ph mi n Nam. Ch ng h n, Hu trong *Dòng sông ph ng l ng*, *Ng i sông H ng* (Tô Nhu n V). Hu , à N ng trong *Thúy* (Hà Khánh Linh). Sài Gòn trong *Áo tr ng*, *Sài Gòn ta ó* (Tr n Hi u Minh), *S ng nh anh* (Tr n ình Vân), và t p ký nhi u tác gi : *S m sét trên ng ph*, *Xuân v trên ng ph Sài Gòn*...

M t trong nh ng tác ph m miêu t khá toàn di n hi n th c Vi t Nam th i chi n tranh là *D u chân ng i lính* c a Nguy n Minh Châu. Tác ph m l y b i c nh chi n

tr ờng Qu ờng Tr ờng, có miêu t ả cụ c ả s ố và chi ều u ố c ả b ả i chính quy m ỹ n B ả c và du kích m ỹ n Nam, thanh niên xung phong, các t ờng l ập nhân dân. Tác ph ả m c ả ng phác h ả b ả c tranh xây d ờng CNXH và ch ờng chi ều tranh phá ho ả i m ỹ n B ả c qua l ả i k ả c ả các chi ều s ố. *D ả u ch ả n ờng i ả l ả nh* có ngh ề thu t ả vi t ả khá già đ ả n, t ờng là sách g ả i u ả gi ờng c ả thanh niên m ỹ n B ả c nh ờng n ả m 1970.

3.3.2.2. Hoàn thi ả n b ả c tranh xây d ờng CNXH m ỹ n B ả c

N ả m 1960, chính ph ả xác ả nh ph ả ng h ả ng xây d ờng m ỹ n B ả c theo mô hình XHCN và phát ả ng k ả ho ả ch 5 n ả m l ả n th ả nh t ả (1961 - 1965). Trong nh ờng n ả m u ả công h ả u hóa n ả n kinh t ả, chính quy ả n các c ả p c ả n g ả p nhi ả u khó kh ả n. M ả t s ả nhà v ả n c ả n l ả ng t ả ng khi x ả lý các m ả u thu ả n v ả v ả n ri ẻ ng - chung, t ả p quán c ả - l ả i s ả ng m ả i... Tuy nhiên, t ả sau n ả m 1965 tr ả i, n ả n kinh t ả m ỹ n B ả c i ả vào n ả nh. Trong v ả n xu ả i ch ả c ả n m ả t màu h ả ng r ả c r ả, vui t ả i. Trong th ả i gian 15 n ả m (1961 - 1975), v ả n xu ả i m ỹ n B ả c ã t ả ng b ả c hoàn thi ả n b ả c tranh xây d ờng CNXH trên m ỹ n B ả c. Ch ả ng c ả th ả hi ả n qua các l ả nh v ả c c ả b ả n nh ả sau:

Tr ẻ n l ả nh v ả c nông ngh ả p, phong trào h ả p tác hóa nông ngh ả p ã ph ả kh ả p m ỹ n B ả c. Nông dân ả ru ả ng t ả, trâu bò vào h ả p tác xã, cùng làm chung, h ả ng chung. M ả c dù bu ả i u ả xây d ờng CHXH c ả n khó kh ả n v ả t ả v ả nh ả ng ả i n ả y c ả ng l ả c quan, vui v ả, ph ả n u ả t các ch ả i tiêu k ả ho ả ch c ả h ả p tác xã. Có th ả th ả y ả i u ả ó trong: *V ả mùa ch ả a g t, V ả ng qu ẻ yên t ả nh* (Nguy ả n Ki ẻ n), *Xung t ả* (Nguy ả n Kh ả i), *Ng ả i h ả u ph ả ng* (Ng ả c Tú), *M ả i cùng b ả n ò* (V ả B ả o), *t ả m n* (Chu V ả n), *Ng ả i nhà* (Nguy ả n ch D ả ng), *Ao làng* (Ngô Ng ả c B ả i), *Gi ả p tr ả n* (Nguy ả n Th ả Ph ả ng), *Ch ả ch ả nhi ả m thôn Th ả ng* (Hoàng Tu ả n Nh ả), *H ả n á c ả i* (Th ả ch Gi ả n, c ả ảnh)...

Tr ẻ n l ả nh v ả c ng ả ngh ả p, các h ả p tác xã ả nh cá c ả thành l ả p. Chính quy ả n c ả ng lo c ả i t ả o t ả u thuy ả n, ả ng đ ả ng khoa h ả c k ả thu t ả vào ngh ề ả nh b ả t cá và v ả n t ả i ả ng th ả y. ả i u ả này c ả ph ả n ả nh trong: *C ả a sông* (Nguy ả n Minh Ch ả u), *B ả n g ả i* (Hoàng T ả i Chi), *c ả b ả n, ả nh sáng c ả y ẻ n b ả n* (Nguy ả n Th ả Ng ả c H ả i), *Ra*

o (Nguyễn Khôi), *Nhân bị nạn* (Vũ Trọng Sơn), *Bên sông Sơn* (Dân Hoàng), *Chợ bị nạn*, *Đường qua bị nạn* (Trần Công Tuấn)...

Trên lĩnh vực lâm nghiệp và sản xuất lâm sản, Chính phủ cũng kêu gọi thanh niên xung phong đi khai phá rừng hoang và xây dựng lâm trường. Cán bộ người Kinh, bộ đội biên phòng cũng giúp người bào dân tổ chức sản xuất canh tác, xây dựng sản xuất, làm nòng cốt. Nội dung này thể hiện trong: *Quê mới* (Dân Hoàng), *Bến Chà* (Lê Phương), *Miền Tây* (Tô Hoài), *Bà Vì núi mới*, *Làng cao* (Sao Mai), *Sa Phố* (Ma Văn Kháng), *Bên dòng Phố - phố* (Nguyễn Huệ Tông), *Quê cũ quê mới* (Quang Tín), và các tập truyện nhi đồng tác giả: *Những người thay áo cho rừng*, *Tên hát rừng xa*...

Trên lĩnh vực công nghiệp, Chính phủ xây dựng lại các cơ sở công nghiệp cũ, mở ra các khu công nghiệp mới. Quan hệ sản xuất thay đổi, công nhân có tinh thần làm chủ nòng cốt, hàng hóa thi đua lập thành tích vượt mức kế hoạch. Nội dung này thể hiện trong: *Vòm trời Tỉnh Túc* (Song Yên), *Những tầng cao* (Hương Phương), *Đi lên* (Võ Huy Tâm), *Trên cao* (Xuân Cang), *Một gang* (Lê Minh), *Xi măng* (Hương Phương), *Trên cao Xi măng* (Nguyễn Hoàng - Lạc Lân), *Nhiệm vụ* (Hương Phương), *Người thợ* (Vũ Tuấn), *Tên hát những con thoi* (Đoàn Trúc Quỳnh), *Tên thoi* (Trần Văn)...

Bão biển của Chu Văn là cuốn tiểu thuyết thành công nhất về tài xây dựng CNXH miền Bắc. Tác giả lấy bối cảnh xây dựng sản xuất miền núi vùng công giáo ven biển. Nội dung tác phẩm tập trung vào các vấn đề chính: xây dựng hợp tác xã nông - lâm, làm nòng cốt, xây dựng sản xuất, bài trừ các hủ tục. Bên cạnh nội dung xây dựng còn có nội dung chỉ ra những lỗi lầm cách mạng trong mặt bằng công giáo, bị kích thích Nam ra, máy bay Mỹ ném bom... Về tác phẩm, cần thấy rõ tính xung đột, tuy nhiên, càng về sau, những mâu thuẫn giảm dần, nông dân vui vẻ hàng loạt xây dựng cuộc sống mới.

3.3.2.3. Xây dựng thành công nghệ hình mẫu điển hình cho công viên XHCN

Trước năm 1965, các nhà văn cách mạng đã chú ý đến việc xây dựng hình tượng nhân vật điển hình. Tuy nhiên, số lượng nhân vật điển hình chưa nhiều, chưa có một tác phẩm nào về các nhà văn. Mặt khác, các lý thuyết về công viên XHCN vẫn còn trừu tượng, chưa rõ ràng, nhiều nhà văn chưa quán triệt đầy đủ các nguyên tắc của nó khi xây dựng các nhân vật tích cực. Phải sau năm 1965, mô hình công viên XHCN mới thực sự hoàn thiện. Nhìn vào các nhân vật chính điển hình của văn xuôi giai đoạn này, chúng ta có thể nhận thấy sự quan niệm về công viên lý tưởng của các nhà văn cách mạng vô sản. Có hai loại điển hình: điển hình cá nhân và điển hình tập thể.

Trước hết, nói về điển hình cá nhân. Đây là những cá nhân xuất sắc đạt phẩm chất tác giả chú ý khắc họa rõ nét hơn so với các nhân vật khác. Những giáo dục thanh niên, công viên chi khu, các hình mẫu điển hình thế giới nổi bật như nhân vật có thật. Bội vỹ, phần lớn các tác phẩm điển hình trên lĩnh vực chi khu có thể hình qua thể loại ký: *Nguyen Van Bé* (Nguyễn Sáng), *Bát khu* (Nguyễn Đức Thuận), *Kan Lich* (Hà Phụng), *Anh hùng mìn g t* (Việt Phụng), *Không còn* (Nguyễn Văn Khác), *Sống như anh* (Trần Đình Vân), *Ngôi nhà c m súng* (Nguyễn Thị) và những anh hùng chi khu trong các tuyển tập ký nhiều tác giả: *Thần anh hùng*, *Việt nam ngh a l n*, *Dòng c m m ang*... Ngoài ra, các hình tượng nhân vật điển hình công viên có thể hình qua truyện ngắn và tiểu thuyết: *Thị m* (Đỗ Quang - Nguyễn Trung Thành), *Lành* (Thôn ven - Xuân Thiệu), *P Sua* (P Sua - Văn Linh)... Trên lĩnh vực xây dựng, có các nhân vật điển hình như: *Tiêu*, *Vàng* (*Bão biển* - Chu Văn), *Khái* (*T làng* - Nguyễn Văn Ngọc Tú), *Thùy* (*Cả sông* - Nguyễn Minh Châu), *Hu* (*Hu* - Nguyễn Văn Ngọc Tú), *Nghĩa*, *M* (*Miền Tây* - Tô Hoài)...

Bên cạnh các điển hình cá nhân, các nhà văn cũng xây dựng thành công nghệ điển hình tập thể. Trong tập thể bất kỳ, các chi tiết hoàn chỉnh, chi tiết vì mặt lý tưởng chung: *Chiến sĩ* (Nguyễn Khôi), *Chúng tôi* (Cần C - Hà Phụng), *Vào l a*, *Mặt trận trên cao* (Nguyễn Đình Thi), *Buổi và dòng sông* (Mai Ngọc)... Hoặc là

các t p th i n hình thanh niên xung phong khu IV, m i ng i u h ng say lao ng, d ng c m phá bom mìn, yêu th ng, giúp l n nhau: *Nh ng ngôi sao xa xôi* (Lê Minh Khuê), *ng trong mây* (Nguy n Kh i), *Nguy n Gia Nùng* (Sao B ng), *Con ng môn y (ào V)*, *Gi ng* (Th ch Gi n), *m t cung ng* (Xuân Sách)... Trên l nh v c lao ng s n xu t, c ng có nhi u i n hình t p th , m i ng i cùng vui say lao ng, nh t trí m t lòng a h p tác xã ti n lên: *Ao làng* (Ngô Ng c B i), *t m n* (Chu V n), *Ng i h u ph ng* (Ng c Tú), *Ng i c a sông (ào V)*, *Ngày và êm h u ph ng* (Nguy n Kiên), *Giáp tr n* (Nguy n Th Ph ng)....

Ph ng pháp hi n th c XHCN c ng yêu c u xây d ng nh ng nhân v t i n hình trong hoàn c nh i n hình. Cá nhân i n hình c t vào trong hoàn c nh i n hình (t p th i n hình, không gian, th i gian i n hình). Ch ng h n nh : Huân và t p th công nhân nông tr ng i n Biên sau n m 1955 (*Mùa l c* - Nguy n Kh i). K s H o và phi công Qu nh cùng v i t p th trí th c, chi n s nh ng n m ch ng chi n tranh phá ho i (*Vùng tr i* - H u Mai). Hai cha con Kinh - L và ng i c a h Qu ng Tr nh ng n m ch ng M (*D u chân ng i lính*). Nguy t và t p th thanh niên xung phong, Lãm và t p th lái xe Tr ng S n (*M nh tr ng cu i r ng* - Nguy n Minh Châu). M n và t p th du kích, Thiêm và t p th b i chính quy (*M n và tôi* - Phan T). Ch S và t p th du kích trong hàng Hòn (*Hòn t* - Anh c)...

Nhìn chung, v n xuôi cách m ng Vi t Nam giai o n 1965 - 1975 ã th hi n khá y các nguyên t c c a ph ng pháp sáng tác hi n th c XHCN. C m h ng s thi - anh hùng ca phát tri n n sung s c nh t. Nhìn vào v n xuôi giai o n này, ng i ta th y c mô hình lý t ng c a m t n n v n h c cách m ng vô s n. Tuy nhiên, nó c ng có m t s h n ch nh t nh: s trùng l p tài, c m h ng th m m , nhân v t... B c tranh hi n th c cu c s ng th ng c tô h ng, ch nh n m nh m t u i m mà ch a nói rõ m t khuy t i m. Nhi u tác gi quá chú tr ng nhi m v c v chi n u mà ít u t cho hình th c ngh thu t. M c dù v y, c ng có nhi u tác gi chú tr ng u t c hai m t n i dung và ngh thu t nên c ng t o ra c nhi u tác ph m có giá tr v t th i gian.

TÔ HOÀI

1. Vài nét về tiểu sử

Tô Hoài (1920 - 2014) có tên thật là Nguyễn Sen, ngoài ra còn có nhiều bút danh khác là Mai Trung, Mai Bìn, Văn Kịch, Hồng Hoa... Quê của ông ở Hà Đông, phố Hoài Đức, có con sông Tô Lịch nên ông đặt bút danh là Tô Hoài. Ông sinh ra trong một gia đình làm nghề dệt thủ công. Nhà nghèo, bố bỏ làng vào Sài Gòn làm ăn. Sau khi học xong tiểu học, Tô Hoài vào Sài Gòn kiếm sống bằng nghề: thêu, bán hàng, kế toán, dạy học cho trẻ con... Ông từng nếm mùi thất nghiệp, chửi nhiếc cay trong cuộc sống.

Tô Hoài sống gần gũi với dân nghèo nên sớm có ý thức báo vệ quyền lợi công nhân. Năm 17 tuổi, ông đã tham gia thành lập Hội ái hữu thợ dệt Hà Đông. Đây cũng chính là tiền thân của Hội Liên hiệp thanh niên sau này với tên gọi *Minh*. Tô Hoài cũng có mặt trong cuộc mít tinh lớn ở nhà Xổ (Hà Nội) nhân ngày quốc tế lao động 1/5/1938. Ngoài thời gian đi làm, Tô Hoài cũng chú ý học hỏi và đọc khá nhiều sách báo.

Tô Hoài cũng từng trải nghiệm theo hình thức tự nhiên của tự nhiên. Những tác phẩm đầu tay của ông in trên *Hà Nội tân văn*, *Tiểu thuyết thực tế*... Truy cập vào thời kỳ của Tô Hoài bắt đầu chú ý trên văn đàn. Năm 1941, NXB Tân Dân nhân in lần đầu tiên cuốn *Đêm phiêu lưu ký*. Tô Hoài có dịp đi phiêu lưu nhiều nơi, viết nhiều truyện ngắn in báo, viết tiểu thuyết bút cao. Ông chuyển hẳn sang nghề viết văn.

Tô Hoài là một trong những nhà văn nổi tiếng với cách mạng khá sớm. Ông hàng đầu tham gia phong trào Thanh niên phản động Đông. Năm 1943, Tô Hoài cùng với Nam Cao, Nguyên Hồng, Nguyễn Huy Tưởng, Hồ Phi... tham gia Hội Văn hóa cứu quốc Hà Nội. Ông bí mật gửi bài cho báo *Công nhân phóng*, *Tiên phong* góp phần tuyên truyền cách mạng.

Cách mạng tháng Tám thành công, Tô Hoài là phóng viên trực tiếp của báo Tiền phong. Ông hướng gia nhập đoàn quân Nam Tiến, vào Tuy Hòa, Nha Trang, lên Tây Nguyên... Chuyến đi này giúp cho ông có thêm tài liệu viết nhiều ký sự nóng hổi như: *Nhật ký, Lên Công Sơn, Mất trận Nam Trung Bộ*... Về Hà Nội, ông tiếp tục làm phóng viên mất trận cho báo Thời báo. Tháng 10 năm 1946, Tô Hoài chuyển công tác vào Công Sơn ông đảm nhiệm chi biên báo Cứu Quốc.

Năm 1947, Tô Hoài lên chiến khu làm chủ nhiệm báo *Cứu Quốc Việt Bắc* và tham gia lãnh đạo Hội Văn nghệ Việt Nam. Ông tràn ngập, liệt kê các bản làng viết tiếp truyện *Núi Cứu Quốc, Xuống làng*... Ông cũng theo các chuyến đi, viết ký sự *Ngọc sông Thao, Đi về Bình*... Năm 1952, Tô Hoài tham gia chiến dịch Tây Bắc, sáng “ba cùng” viết báo dân tộc thiểu số. Sau này, ông viết tiếp *Truyện Tây Bắc* và hàng loạt tác phẩm văn xuôi tài mĩ miền Tây.

Hòa bình lập lại, Tô Hoài tiếp tục tham gia công tác lãnh đạo văn nghệ. Ông từng làm Phó Tổng thư ký Hội nhà văn Việt Nam, Chủ tịch Hội Văn nghệ Hà Nội, Giám đốc NXB Kim Đồng... Ngoài những công việc mang tính hành chính giấy tờ, Tô Hoài cũng tham gia các công tác khác xã hội như: đi phổ biến cách ruộng đất, Tịch thu dân phẫn... Nói chung, việc gì ông cũng làm, miễn là có ích cho xã hội và có thêm tài liệu viết văn.

Tô Hoài vẫn thường lên Tây Bắc lấy tài liệu viết *Miền Tây, Nhật ký vùng cao, Lên Sừng Sốt, Hố Giàng Phìn Sa*... Ông lên Cao Bằng lấy tài liệu viết *Kim Đồng, Tuổi trẻ Hoàng Văn Thụ*. Và “ông đi Mèn” cũng có nhiều hồi ức đi du lịch nước ngoài, viết nhiều bút ký như: *Thành phố Lê nin, Tôi thăm Campuchia, Hoa hồng vàng song cửa*... Năm 1972, Tô Hoài sang thăm nhà ngói thị trấn Bông sen vàng cửa Hà Nội nhà văn Á Phi dành cho tiểu thuyết *Miền Tây*.

Sau năm 1975, Tô Hoài có nhiều dịp vào Nam, mở rộng tầm mắt, viết nhiều bút ký cho các báo. Lúc về hưu thì nhà viết hồi ký: *Tôi truyện, Cát bụi chân ai, Chiếu chiếu*... Hơn nữa viết khảo cứu phong tục văn nghệ “xưa và nay”, in trong *Truyện cũ Hà*

N i... Ông v n nh n l i m i c a các NXB vi t truy n cho thi u nhi và vi t r t sung s c trong l nh v c này. Ngoài ra, Tô Hoài c ng ch u khó i t i nhi u tr ng h c giao l u v i giáo viên, sinh viên, h c sinh.

Ông c ng vi t nhi u tác ph m chia s kinh nghi m sáng tác nh : *M t s kinh nghi m vi t v n c a tôi*, *Ng i b n c y*, *S tay vi t v n*, *Ngh thu t và ph ng pháp vi t v n...* Tuy nhiên, ó là nh ng kinh nghi m sáng tác c a cá nhân ông ch không ph i là nh ng tác ph m nh h ng sáng tác. Ông thích vi t th t, vi t th ng, m c dù s th t y c ng có nh ng ch gai góc và không ph i ai c ng ng tình. Có không ít tác ph m ã làm ông kh s nh : *M i n m*, *Chi u chi u*, *Ba ng i khác...* Tuy nhiên, lúc nào, ng i ta c ng th y “ông d Mèn” n n c i hóm h nh và t ng tr i.

2. Các giai o n sáng tác

2.1. Các sáng tác tr c n m 1945

Tô Hoài có m t s l ng tác ph m r t s , g m nhi u th lo i, nhi u tài. Ta có th t m chia các sáng tác c a ông thành hai giai o n chính: tr c và sau Cách m ng tháng Tám. Tr c 1945, Tô Hoài có nh ng tác ph m chính nh :

- *D Mèn phiêu l u ký* (1941)
- *Quê ng i* (ti u thuy t, 1941)
- *O chu t* (t p truy n ng n, 1942)
- *Nhà nghèo* (t p truy n ng n, 1942)
- *Gi ng th* (ti u thuy t, 1943)
- *Xóm gi ng ngày x a* (ti u thuy t, 1944)
- *C d i* (h i ký, 1944)

Tô Hoài vi t v n khá s m, m i kho ng 17 tu i, ông ã có truy n ng báo. Nh ng tác ph m u tay c a ông là các bài th *Ti ng reo*, *an áo* (*Ti u thuy t th b y*), truy n ng n *N c lên* (*Hà N i tân v n*)... Bài th *Ti ng reo* trên báo *Ti u thuy t*

th b y n m 1938 có phong v lãng m n. Ng i chinh ph d t v i, ch i chinh phu, và th t v ng:

*Nàng ng ng tay d t v i,
M m àng l ng tai nghe.
Hình nh bên c a s ,
V ng v ng ti ng ai reo (...)
V i vàng ra m c a:
Ngoài hiên v n v ng teo.
Gió lùa t ng c n m nh.
Thì ra ti ng lá reo.*

Nh ng truy n ông vi t cho thi u nhi c ng mang âm h ng lãng m n. Tô Hoài th ng m n truy n con v t nói lên i s ng con ng i. Ch ng h n nh *Truy n gã chu t b ch*, ông miêu t v ch ng chu t ng n ng , ch p nh n cu c s ng t nh t, vô v : “*h l i n i uôi nhau, tha th n, t t bò vào, c ng nh lúc bò ra. T ó, dù m c a, c u m chu t c ng ch ng bò ra n a. H y u u i. ngoài làm chi có g o mà n*”. Trong *D Mền phiêu l u ký*, chú d Mền không ch p nh n cu c s ng tù túng, ch t h p nên ã làm m t cu c phiêu l u k thú. Qua ó, tác gi th hi n khát v ng c d n thân, nh p cu c, thay i cu c i. Trong nh ng truy n vi t v con ng i, Tô Hoài c ng t ra câu h i v lý t ng s ng c a thanh niên: “*H i Ph ng, tu i tr chúng ta bây gi i âu ? i âu ?*”. Tác gi m c nh ng thanh niên hãy “c t b c trong m t bu i mai, nh m cái chân tr i m i th m màu hy v ng” (*Xóm Gi ng ngày x a*)

Ngoài m t s truy n mang âm h ng lãng m n, Tô Hoài c ng có nhi u truy n theo khuynh h ng hi n th c. Các truy n vi t cho thi u nhi nh : *ám c i chu t, Trê và Cóc* ã cho th y ph n nào nh ng b t công trong xã h i nông thôn. Truy n *N c lên* miêu t c nh iêu ng c a nhân dân trong mùa l . Vì thi u g o n, m H i ch t, b l i hai a con th (*Ông Cúm bà Co*). Ngày t t, H ng Cay không có ti n tr n , b ch n l y m t bài v t tiên (*Khách n*). Cái Gái i b t nhái, b r n c c n (*Nhà*

nghèo). V ch ng anh Tho i nghèo kh , ngày t t c ng không có gì n, ph i b làng ra i vào mùng m t t t (*Quê ng i*). Tác ph m *C d i c* ng miêu t nh ng c nh i lam l c a nông dân và dân nghèo thành th ... M c dù không i vào miêu t nh ng mâu thu n gay g t c a xã h i nh ng Tô Hoài c ng không né tránh nh ng hi n th c au xót. Quan i m “v nhân sinh” ã b t nh p c u cho Tô Hoài n v i cách m ng.

2.2. Các sáng tác sau n m 1945

Sau n m 1945, Tô Hoài b h n bút pháp lãng m n chuy n sang bút pháp hi n th c. Ông nh p cu c vào n n v n h c cách m ng r t nhanh, không ph i tr i qua giai o n “nh n ng” nh nhi u nhà v n khác. Tô Hoài vi t r t sung s c, s l ng tác ph m r t nhi u và có th chia làm các th lo i nh sau:

2.2.1. Truy n c a Tô Hoài sau n m 1945

Tô Hoài sáng tác nhi u th lo i nh ng truy n và ti u thuy t v n t nhi u thành t u h n c . Có th nêu m t s tác ph m tiêu bi u nh sau:

T p truy n ng n:

- *Núi C u Qu c* (1948)
- *Xu ng làng* (1950)
- *Truy n Tây B c* (1953)
- *Khác tr c* (1957)
- *V t nh* (1962)
- *Ng i ven thành* (1972)
- *Ng i m t mình* (1998)...

Ti u thuy t:

- *M i n m* (1957)
- *Mi n Tây* (1967)
- *Tu i tr Hoàng V n Th* (1971)
- *Nh ng ngõ ph , Ng i ng ph* (1980)
- *Quê nhà* (1981)

- *H Giàng Phìn Sa* (1984)

- *Nh Mai Châu* (1988)

- *K c p b n B i* (1996)

- *Ba ng i khác* (2006)...

Truy n c a Tô Hoài sau n m 1945 r t g n g i v i th lo i ký. i u này d hi u, Tô Hoài là nhà báo, chuyên vi t ký s , b i v y, tính chân th c c a s ki n ã i vào truy n c a ông r t t nhiên. Trong kháng chi n ch ng Pháp, ông có hai t p truy n là *Núi C u Qu c* và *Xu ng làng*, có th x p vào truy n và ký u c. Trong t p *Truy n Tây B c*, tính ch t h c u có nhi u h n. Nh ng theo l i ông thì v ch ng A Ph và các nhân v t trong truy n c ng có th c, ch thay tên i h mà thôi.

M t s truy n c a Tô Hoài l y t nh ng s ki n trong i tác gi . Ch ng h n *Quê nhà* vi t v làng quê Hà ông c a tác gi . Ti u thuy t *M i n m* nói v nh ng ngày tác gi tham gia H i Ái h u th d t. Truy n *Ba ng i khác* k v th i k tác gi tham gia c i cách ru ng t. M t s truy n vi t v cu c s ng xung quanh Tô Hoài, do ông ch ng ki n, ho c tham d nh : *Nh ng ngõ ph* , *Ng i ng ph* , *Nh Mai Châu*... Trong m t s tuy n t p, Tô Hoài c ng in chung c truy n và ký nh : *V t nh, Ng i ven thành*... Ý th c t th c c Tô Hoài th hi n r t rõ trong m t th lo i mang tính h c u nh truy n ng n và ti u thuy t.

Truy n c a Tô Hoài v n n m trong ngu n m ch chung c a truy n cách m ng. Ngh a là, truy n c a ông c ng mang tính s thi, gi ng i u ng i ca, kh ng nh tính u vi t c a ch cách m ng. Tuy nhiên, Tô Hoài c ng không h n là nhà v n chuyên minh h a m t chi u. Hi n th c trong tác ph m c a ông c ng a chi u, gai góc, nhi u m ng màu sáng t i. Ch ng h n, trong ti u thuy t *M i n m*, ông ph n ánh c u và nh c c a nh ng thanh niên bu i u n v i cách m ng. Trong *Ba ng i khác*, ông không né tránh m t trái c a c i cách ru ng t. Tô Hoài r t tôn tr ng s th c, dù ó là s th c tr n tr i.

Không chỉ chú trọng về mặt nội dung tác phẩm, Tô Hoài cũng chú ý cho hình thức nghệ thuật. Nhiêu truyện của ông có cái hấp dẫn của giọng văn hóm hỉnh, ngôn từ điêu luyện. Các truyện lý tưởng, kỳ ảo (*Miền Tây, Hòn Giàng Phìn Sa*). Miêu tả tâm lý nhân vật sắc sảo, có quá trình vận động hợp lý (*Văn chèo A Ph, Miền*). Nhiêu truyện hấp dẫn cách lựa chọn chi tiết, tạo không khí truyện. Trong *Tuổi trẻ Hoàng Văn Th*, Tô Hoài đã làm sống lại không khí kính cẩn của buổi thủy thủ thành công. Hình tượng nhà cách mạng Hoàng Văn Th nhuốm màu sắc anh hùng vĩ đại, có sức hấp dẫn bền vững.

2.2.2. Ký của Tô Hoài sau năm 1945

Trước năm 1945, Tô Hoài chỉ có một tập hồi ký là *Câu chuyện* (1944). Sau Cách mạng, ký của Tô Hoài rất nhiều, khó có thể thống kê hết những bài ông đăng báo. Những tác phẩm chính của ông có thể kể như sau:

- *Ngọc sông Thao* (1949)
- *Đời sống ở Thủ Đức* (1950)
- *Thành phố Lênin* (1964)
- *Tôi tham gia Campuchia* (1964)
- *Nhật ký vùng cao* (1969)
- *Lên Sừng đỏ* (1969)
- *Lên Bác Hồ* (1977)
- *Trái tim tên Nguyễn* (1978)
- *Truyện* (1978)
- *Hoa hồng vàng song cửa* (1981)
- *Những ngày tháng* (1988)
- *Cát bụi chân ai* (1993)
- *Truyện của Hà Nội* (1998)
- *Chiều chiều* (1999)
- Một số ký trong các tập *Văn nghệ* (1962), *Nguyễn Văn Thành* (1972)...

Có thể chia các tác phẩm ký của Tô Hoài làm ba loại chính như sau:

Một là loại phóng sự báo chí. Tô Hoài là nhà báo chuyên nghiệp nên số lượng tác phẩm báo chí của ông rất nhiều. Sau này, ông chuyển hẳn sang viết tác phẩm có tính nghệ thuật cao và gần gũi với người dân trong xã hội. Đó là số lượng tham gia đoàn quân Nam Tiến: *Nhật ký, Lên Công Sơn, Miền Trung...* Trong kháng chiến chống Pháp, ký của ông bám sát các sự kiện chính trị nóng hổi: *Vết Tây Côn Lĩnh, Ngục sông Thao, Hồi ức Thập Bình...*

Hai là bút ký văn hóa - xã hội. Hòa bình lập lại, Tô Hoài vẫn hướng về và hướng tới. Ông lên Tây Bắc nhiều lần và viết tiếp tục về vùng này: *Trên đỉnh cao nguyên Ngục Sơn, Nhật ký vùng cao, Lên Sừng Sốt...* Những lần đi ra ngoài ông cũng miêu tả một cách sinh động về quê hương: *Thành phố Lê Nin, Tôi thăm Campuchia, Hoa hồng vàng sông cá...* Ngoài ra, ông còn viết các truyện xã hội trên các báo, in thành tập *Truyện Hà Nội*.

Ba là hồi ký và chân dung văn học. Hồi ký của Tô Hoài có cái hấp dẫn của gì đó về sự bông đùa, dí dỏm. Ông nhai dai, viết dài, không ngừng nghỉ nên cung cấp cho bạn đọc nhiều thông tin mới mẻ. Ngoài tập *Câu chuyện*, ông còn có *Tôi truyện, Cát bụi chân ai, Chiếu chiếu*. Ông còn có tập chân dung văn học là *Những người bạn*. Qua các tập hồi ký của Tô Hoài, bạn đọc cũng cung cấp nhiều thông tin bổ ích về văn nghệ sĩ và văn hóa Việt Nam.

2.2.3. Tác phẩm của Tô Hoài viết cho thiếu nhi

Như bạn Tô Hoài, người ta nhận ra một nhà văn chuyên viết truyện cho thiếu nhi. Số lượng sách viết cho thiếu nhi của Tô Hoài rất nhiều. Có thể chia các tác phẩm sau năm 1945 làm các bộ phận như sau:

Một truyện ngắn nghệ thuật: *Chim chích lặc rặc, Con mèo lười, Đàn chim gáy, Cá lội trên thuyền, Chú bé nông Sa-mac-can...* Một ngày, Tô Hoài thấy đàn ông bị nhân pháp nhân hóa. Tác giả cũng muốn truyện loài vật giáo dục con người. Các bài, những truyện này cũng có trong bộ sưu tập hồi ký. Chẳng hạn, tác giả sáng tác

Sa-mac-can và trò chuyện với chú b nông. Họ cảm nhận hình ảnh béo m t c a àn chim gáy, tác giả ca ngợi sự no m c a ch XHCN mi n B c.

M ng ti u thuy t l ch s : *o hoang, Truy n n th n, Nhà Ch ...* Tô Hoài t các nhân vật vào m t không gian, th i gian c x a. h p d n tr em, tác giả gia t ng y u t k o, hòa tr n hi n th c và hoang ng. M i truy n có m t m c ích giáo d c riêng. *o hoang* vi t hành trình chinh ph c thiên nhiên c a An Tiêm, giáo d c tinh th n yêu lao ng. Truy n *N th n vi t v An D ng V ng*, giáo d c tinh th n yêu n c ch ng ngo i xâm. Truy n *Nhà Ch* vi t v Ch ng T , giáo d c lòng bi t n t tiên

Truy n ký anh hùng: *Kim ng, V A Dính, Tu i tr Hoàng V n Th ...* C ba truy n này u vi t v nh ng ng i anh hùng dân t c thi u s . c i m c a lo i truy n này là tôn tr ng tính chân th c c a s ki n (“*có th c m i v c c o*”). Nh qua bàn tay tài n ng c a Tô Hoài, ng i thi u niên anh hùng Nông V n Dền (Nùng) c a vào v n h c và c n c bi t n. NXB Kim ng c thành l p do Tô Hoài làm giám c, góp ph n qu ng bá các t m g ng anh d ng cho các th h h c sinh.

3. Phong cách ngh thu t Tô Hoài

Tô Hoài có m t i v n r t phong phú. S nghi p sáng tác c a ông tr i qua nhi u th i k , vi t v nhi u tài, dành cho nhi u i t ng b n c khác nhau. Ông c ng vi t nhi u th lo i, dùng nhi u v n phong, bút pháp a d ng... Ông có g n 200 u sách v i nhi u ch ng lo i. B i v y, khó có th a ra m t nh n xét cho t t c các ph m c a ông. Tuy nhiên, bên c nh nh ng nét riêng c a t ng th i th i k sáng tác, th lo i, tài...ta c ng c ng có th th y c m t s nét chung t ng i nh t quán trong su t quá trình sáng tác c a ông.

3.1. Tô Hoài th ng vi t v hai tài chính: truy n loài v t và phong t c Hà N i, Tây B c.

Nhà văn Tô Hoài, người ta thường nghĩ ông là nhà văn chuyên viết truyện cho trẻ em. Ông cũng bắt đầu cho cái tên rất trẻ trung: “ông dế Mèn”. Tác phẩm *Dế Mèn phiêu lưu ký* là tác phẩm xuất sắc nhất trong truyện viết cho thiếu nhi trong văn học Việt Nam. Tác phẩm còn được dịch ra nhiều thứ tiếng, được các bạn trẻ trên thế giới mến mộ. Trong truyện viết cho thiếu nhi, ông thường viết về loài vật. Thế giới loài vật trong tác phẩm của ông rất đa dạng: con dế, cào cào, châu chấu, trê cóc, cá, chuột, mèo, dê, cáo, lợn, gà, chim... Số lượng truyện loài vật của ông rất nhiều, kho tàng trên 100 cuốn sách. Những tác phẩm này tái bản nhiều lần và được các giới trẻ yêu thích.

Tô Hoài viết về nhiều vùng không gian khác nhau nhưng phải kể đến là Hà Nội và Tây Bắc. Viết về Hà Nội, ông có: *Truyện Hà Nội*, *Chiều chiều*, *Những ngôi phố*, *Ngôi phố*... Những hình ảnh quen thuộc trong tác phẩm viết về vùng quê quê hương ông: *Nhà nghèo*, *Giêng tháng*, *Quê hương*, *Xóm giêng ngày xưa*, *Câu đố*, *Mùa xuân*, *Quê nhà*, *Ngôi phố ven thành*... Thế này, có rất nhiều nhà văn chuyên viết về Hà Nội. Những nét riêng của Tô Hoài là ông thường nhìn con người và cảnh vật dưới góc độ phong tục. Ông có những trang viết rất hay về nghề canh cửi làng dệt Hà Nội. Những hình ảnh phong tục của Hà Thành như: *Bờ tre*, *Làm ma khô*, *Những ngày áp tết*, *Ăn cơm*, *Lời chào cao hơn mâm cỗ*, *Giỗ tết*, *Chợ cá*, *Bánh cuốn*, *Rau thơm*...

Tô Hoài cũng làm tốt trong những ngày có công cuộc khai mở biên giới văn hóa tài mĩ núi. Trong kháng chiến chống Pháp, ông hoạt động trong núi rừng, có nhiều kỉ niệm gắn bó với các dân tộc thiểu số. Thế này, ông như Tây Bắc làm quê hương thơ hai của mình. Ông có khá nhiều tác phẩm về Tây Bắc: *Núi Cù Quỳ*, *Xuống làng*, *Truyện Tây Bắc*, *Nhật ký vùng cao*, *Lên Sừng*, *Miền Tây*, *Hàng Phìn Sa*, *Nhà Mai Châu*... Những phong tục thường được lồng ghép vào các truyện như tranh cách mạng. Chẳng hạn, *Vườn A Ph* miêu tả quá trình tìm kiếm, nhận biết cách mạng của người nghèo Tây Bắc. Những tác giả lồng ghép vào đó khá

nhi u phong t c c a ng bào Mèo: t c b t v , cúng ma, ph t v , l t t, trai gái t tình, cách n m c, nói n ng, lao ng...

3.2. Nhân v t th ng là dân nghèo, có khát v ng i i và h ng n nh ng chân tr i m i l

Nhân v t c a Tô Hoài, dù là ng i hay v t c ng u là nh ng k th p c bé h ng. Trong truy n loài v t, ông ch ch n miêu t nh ng con v t nh bé, s ng vùng quê. Tô Hoài ít khi vi t v nh ng ng i có a v cao trong xã h i. Ông th ng vi t v nh ng ng i dân nghèo vùng ngo i ô Hà N i. H nghèo n n i ch t vì không có thu c ch a (*Ông cúm bà co*), ngày t t không có h ng n n cúng ông bà (*Khách n*), b làng i x khác làm phu (*Quê ng i*). Trong *Nh ng ngõ ph*, *Ng i ng ph*, Tô Hoài c ng miêu t nh ng ng i dân xóm rác, b i rác s ng. Còn Tây B c, Tô Hoài c ng dành u ái c bi t cho nh ng ng i d i áy xã h i: Cô ng (*C u t c u m ng*), ông M ng (*M ng Gi n*), A Ph (*V ch ng A Ph*), bà Giàng Súa (*Mi n Tây*)...

Nét c bi t trong nhân v t dân nghèo c a Tô Hoài là h không ch p nh n cu c s ng kh c c trong hi n t i và luôn khao khát i i. Tr c Cách m ng, nhân v t c a Tô Hoài th ng ch m c ch ít khi hành ng. Nhân v t anh thanh niên trong *Xóm gi ng ngày x a* khao khát: “*m t tr n m a rào, m a rào xu ng cho lòng ng i h hê và cho tr i quang ãng. Nh ng cái gì oi b c c g t b*”. Nh ng thanh niên trong *M i n m c* ng khao khát có s thay i nên h ng hái tham gia H i ái h u th d t. H u tranh b o v quy n l i dân nghèo. Nh ng làng d t ch th c i i t khi có cu c Cách m ng tháng Tám. Chính cu c cách m ng y c ng kéo gia ình bà Giàng Súa *Mi n Tây* ra kh i cu c i t m t i, chui rúc trong r ng. Hai con bà: Thào Khay, Thào M tr thành cán b lãnh o nhân dân Phi ng Sa t i n lên h p tác xã.

Nhân v t c a Tô Hoài c ng mang nh ng khát v ng i xa, h ng t i nh ng chân tr i m i l và h nh phúc. Hình t ng chú d trong *D Mèn phiêu l u ký g i* cho chúng ta nh n nh ng lãng t giang h hi p khách v n r t ph bi n trong xã h i

Việt Nam trước năm 1945. Chuyên nghiệp thú c a d Mền ã làm cho ông anh thêm thu ng h a h n: “mùa xuân t i ông c ng i du l ch và phiêu l u nh ” chú Mền nó”. Nhân v t c a Tô Hoài th ng i xa, có th là i xa làm cách m ng: Hoàng V n Th (Tu i tr Hoàng V n Th), Trung (M i n m)... Ho c i xa tìm ki m m t cu c s ng t t h n: cha bé Sen (C d i), anh Khi u, anh Tho i (Quê ng i), A Ph và M (V ch ng A Ph)... i xa rèn luy n ph m ch t t l c c a mình: An Tiêm (o hoang). Và r t nhi u bút ký khác c a Tô Hoài c ng vi t v nh ng chuy n i xa. “ i và vi t” - m t h ng thú c bi t c a nhân v t “tôi” trong v n Tô Hoài.

3.3. Ng i k th ng nh p vai nhi u lo i nhân v t, ngôn t sinh ng, gi ng i u hóm h nh.

Tô Hoài vi t v nhi u i t ng khác nhau nên ông c ng “nh p vai” nhi u lo i nhân v t. Khi vi t truy n loài v t, ông ph i ch n nh ng chi ti t thích h p v i loài v t, t gi ng i u, tâm lý n hành ng, ngo i hình... Trong *D mền phiêu l u ký*, có nhi u con v t và m i con v t có m t gi ng i u khác nhau. Ví d , gi ng i u khoe ch c a th y cóc: “*Hà c mà nh v tráng s du nhàn qua b n thôn?*” “*Kềng k c ! Du l ch !*”. Ho c gi ng i u khí phách c a chú D Mền: “*C m n ch v. Bình sinh trên i tôi không h bi t s l i e do nào c*”. Khi miêu t nhân v t dân t c thi u s , Tô Hoài c ng ch n m t l i t duy mang b n s c mi n núi: “*C vùng này x a kia t m t i, c vùng này ngày nay gi i phóng. Có gi i phóng m i sinh ra c m t l p ng i b i p nh th , c i ng a v , ng m t ch mà th m kh p nhà*” (*Mi n Tây*). Ho c vi t v ng i Kinh, nh ng ngôn ng ngày x a khác, ngày nay khác. ây là ngôn ng c kính c a An Tiêm: “*Tr i sinh ta, t t tr i nuôi ta, s ng ch t tr i, ta có lo gì*” (*o hoang*)...

Tô Hoài r t có ý th c cao trong vi c l a ch n ngôn ng miêu t . B i v y, câu v n c a ông có chính xác cao, giàu hình nh, có th n thái. Trong hai o n v n sau, ông s d ng nhi u bi n pháp tu t nh so sánh, nhân hóa, và nhi u t láy: “*Cây h ng bì ã r b nh ng chi c áo lá già en i. Nh ng cành xoan kh ng khiu ang tr lá. Nh ng cành xoan g y l i buông ra nh ng tàn hoa sang sáng, tím tím*” (*Chim chích*

l c r ng). “Bóng xanh lá, bóng vàng n ng l n l n, lao xao nh reo. Các xóm nh mùa
ông v a th c d y, m ch n choàng ra trong n ng” (Nh ng chuy n xa l). Ông c ng
có bi t tài miêu t không khí truy n. Trong *Tu i tr Hoàng V n Th* , có o n miêu t
c nh n th c a ba ng chí cách m ng. Không khí c kính trang nghiêm làm ta liên
t ng n cu c k t ngh a v n ào th i Tam Qu c: “Ba ng i h i tu i nhau (...) M i
ng i u ng c n chén r u r i p cái chén không r i th lên m t câu - Ti ng chén
p vào á kêu toác m t cái. Xung quanh, ch có gió rú vào trong k á và ti n g m i
ng i th anh em s ng ch t không bao gi quên nhau”.

Tô Hoài s d ng nhi u gi ng i u, có lúc trang nghiêm, c kính, có lúc su ng sã,
b n c t. Nh ng gi ng i u ph bi n nh t là hóm h nh, bông ùa. Cách nói c a ông r t
trí tu , s c s o, không kém ph n vui nh n. L y ví d o n v n vi t v con v t: “*Lão
bói cá x a nay n i ti ng là già mà hay làm m trái mùa. ã hóp má r i mà còn hay
t v h h trai t*” (*D Mèn phiêu l u ký*). Vi t v con ng i: “*Chi u chi u Ly th n
th ra ngoài b gi ng. Gã mu n nói mãi i, nói mãi v nh ng chi u vô t i y. Nh ng
bu i chi u hoa m ng không bao gi có th quên, b i nó ngây ng t mà ch ng mang
m t ngh a gì rõ ràng*” (*Chi u chi u*).

Cái h p d n c a v n Tô Hoài th hi n s so sánh ví von c a tác gi : “*Lúc nào
lão c ng c i tr n, óng cái kh m t, b ng m nh b chu i khô qu n uôi l n.
Ngày tr c lão cao l c l ng, bây gi hai hõm vai nhô ra nh cái m u òn gánh.
Ng i ta hay ùa lão ki p tr c ông là ông Thiên lôi ph i tr i y xu ng tr n nên
m i kh e ch u n ng ch u gió th*” (*Cái áo t*).

❖ K t lu n

Tô Hoài có m t v trí v vang trong n n v n h c Vi t Nam hi n i. Ông là cây
i th trong m ng v n h c thi u nhi, là ng i có công vun p m ng v n h c dân t c
mi n núi Vi t Nam. Nhi u tác ph m c a ông ã in d u n trong lòng c gi Vi t
Nam và c nhi u b n c tr n c ngoài hãm m . Th gi i ngh thu t c a Tô
Hoài r t phong phú, a d ng, nhi u giai o n sáng tác, nhi u tài, c m h ng, gi ng

... Ông còn là một trong những nhà nghiên cứu hàng đầu về lịch sử và văn hóa Việt Nam hiện nay. Những đóng góp của ông có thể nói là vô giá, xứng đáng được trân trọng và ghi nhớ.

NGUYỄN KHÔI

1. Vài nét về tiểu sử

Nguyễn Khôi (1930 - 2008) tên thật là Nguyễn Mạnh Khôi. Quê cha mẹ ở Nam Định, quê mẹ ở Hưng Yên nên sinh ra tại Hà Nội. Cha của Nguyễn Khôi làm tri huyện nên Nguyễn Khôi là con viên nên không được cha quan tâm chú ý. Sau này, ông viết “Tôi là con ông cháu cha hóa ra không phải, chỉ là con thêm, con thừa”, “Vợ thì phải sống. Sống bằng cái nhún nhún, cái chụm thúng, chụm khó”...

Cách mạng tháng Tám bùng nổ khi Nguyễn Khôi đang học trung học. Năm 1946, ông gia nhập Đảng, viết tin tức cho tờ Dân quân Hưng Yên. Tháng 10 năm 1952, Nguyễn Khôi làm thủ ký tòa soạn báo Chiến sĩ Liên khu III. Trong khi nhàn nhã ở nhà viết báo, ông viết “nhân vật” rồi “vũ quân” tìm kiếm những sáng tác thì Nguyễn Khôi đã trở thành một bài thơ thất bát khi viết báo.

Năm 1950, Nguyễn Khôi đi dọ lợp tu sửa nhà ở Thanh Hóa do Nguyễn Tuân phụ trách. Chuyến đi này đã đem cho ông chân trời văn chương mới. Về sau đó, năm 1951, truyện ngắn đầu tay của ông (*Ra ngoài*) được đăng trên tạp chí Lửa Mới. Truyện về xây dựng tổ chức của Chi huy Vn quân Liên khu Ba. Sau này tác phẩm cùng tổ chức khuyến khích Giải thưởng Hồ Chí Minh Văn nghệ Việt Nam năm 1951 - 1952.

Ngay sau khi hòa bình lập lại, Nguyễn Khôi đã tham gia trở lại văn nghiệp và viết truyện ký *Ngôi con gái quang vinh*. Năm 1956, Nguyễn Khôi chuyển về công tác tạp chí Văn nghệ quân đội. Ông cũng là hội viên tham gia sáng lập Hội nhà văn Việt Nam. Nguyễn Khôi có tham gia viết sai cách ruộng đất. Lý lịch liệt kê một số thất bại, ông viết tác phẩm *Xung đột*. Ban đầu, truyện được trích đăng trên Văn nghệ quân đội năm 1957. Tiếp đó, tên tuổi của Nguyễn Khôi bắt đầu gây sự chú ý của công chúng. Sau này, *Xung đột* được in thành sách, tập 1 (1959), tập 2 (1961).

Những năm 1958 - 1960, Chính phủ tổ chức cho các văn nghệ sĩ thất nghiệp sáng tác trong chiến trường, chiến vùng, chiến lũy. Nguyễn Khôi chuyển lên Tây Bắc. Ông

n nông tr ợng i n Biên, tham gia lao ợng s ản xu ất cùng v ới công nhân. K ết qu ả c ủa nh ợng chuy ển lên i n Biên là s ự ra i c ả t ả truy ền ng ữ n *Mùa l ợc* (1960), *Hãy i xa h ết n ết a* (1963). Bên c ạnh ó, Nguy ễn Kh ỉ v ết ti ả t ả c ả g ết bó v ết tài nông thôn B ắc B ến và cho ra i *M ết ch ợng ợng* (1962), *Ng ữ i tr ợ v ết* (1964), *Ch ết ch ợ huy ết n* (1972)...

Nguy ễn Kh ỉ không ng ữ i khó kh ết n ợng hi ết m, ông s ản sàng “ i ết n c ết n ết i ết ết theo l ết i ết ng ợ g ết i”. M ết leo thang ném bom mi ết n B ắc, n ết i ết ác li ết t ết nh ết t ết là khu B ến. Nguy ễn Kh ỉ ã c ả g ết ng ợ xin ết c ết m ết t ết s ết t ết ra C ết n C ết và vi ết *H ết s ết ng ết và ch ết n ết u* (1966). Sau ó, ông l ết i *Ra ết o* (1970), ết n *Hòa Vang* (1967), lên Tr ợng S ết n và vi ết *ng trong mây* (1970). R ết i ông l ết i i xa h ết n ết a, vào ết ng 9 Nam Lào ết vi ết *Ch ết n s* (1973). Và ết n ết u ết n m 1975, Nguy ễn Kh ỉ c ết ng ợ k ết p ết th ết i c ết m ết t ết trong tr ết n m ết u ết ch ết n ết đ ết ch ết H ết Chí Minh ết vi ết *Tháng ba ết Tây Nguyên* (1976)...

Sau n ết m 1975, Nguy ễn Kh ỉ vào s ết ng ợ thành ph ết H ết Chí Minh. Vi ết c ết thay ết i không gian s ết ng ợ c ết ng ợ kéo theo nhi ết u ết th ết thay ết i khác trong ết i ông. Nguy ễn Kh ỉ c ết ti ết p ết xúc v ết i nh ết ng ợ ng ợ i ết t ết ng ợ s ết ng ợ trong ch ết c ết. Ông có thêm ết tài m ết i vi ết t ết và có thêm góc nhìn m ết i ết suy ết t ết v ết th ết i c ết u ết c. Lúc này, Nguy ễn Kh ỉ ã v ết h ết u ết nên có nhi ết u ết th ết i gian cho vi ết c ết vi ết t ết lách. V ết l ết i, các báo chí ết trong Nam ết t ết bài cho ông r ết t ết nhi ết u ết nên ông c ết ng ợ có ết ng ợ l ết c ết vi ết t ết r ết t ết sung s ết c.

Trong t ết truy ết n *Th ết ng ợ th ết i c ết i*, Nguy ễn Kh ỉ c ết a ết ng ợ i r ết ng ợ t ết ph ết ng ợ Nam ã “Cho h ết n ết tài, cho h ết n ết ý t ết ng ợ, cho h ết n ết nhân v ết t ết và bao trùm là t ết t ết ng ợ dân ch ết c ết a ết m ết t ết mi ết n ết t ết ã thoát kh ết i t ết t ết ng ợ phong ki ết n ết t ết lâu. M ết i nhân v ết t ết là m ết t ết phát hi ết n, m ết t ết kinh ết ng ợ c ết i v ết i h ết n, v ết i h ết n ch ết a ết t ết ng ợ bi ết t, ch ết a ết t ết ng ợ g ết p. Ngay ết n nh ết ng ợ ng ợ i thân thu ết c trong gia ết ình c ết ng ợ m ết i ng ợ i m ết i v ết và ng ợ i nào ết i v ết i h ết n c ết ng ợ u ết quan tr ết ng ợ, ết u ết h ết p ết đ ết n trong s ết tìm hi ết u ết mãi mãi c ết a ết h ết n v ết lại l ết ch ết c ết a ết con ng ợ i”.

i ết đi n v ết i th ết c ết t ết m ết i, Nguy ễn Kh ỉ c ết ng ợ “*Nhìn l ết i nh ết ng ợ sáng tác c ết a ết mình*” trong quá kh ết. Ông tr ết n ết tr ết : “Cách ết ây h ết n hai ch ết c ết n m, t ết i ch ết t ết nh ết n ra nh ết ng ợ o

tặng cả mình trong sự tìm kiếm những mảnh đất Việt Nam hoàn toàn mới”. Sau khi đi, Nguyễn Khôi viết cuốn *Cái tôi lãng mạn* và phát hiện ra “nhân vật Khang cả tôi kết thúc một sự phiêu lưu vĩnh viễn trong hành trình chinh phục những cuộc phiêu lưu thất bại trong những mảnh đất mới. Mà những thách thức của cuộc sống chinh phục những mảnh đất mới”. Ông đã tìm kiếm những mảnh đất mới cho sáng tác của mình.

Sau năm 1975, Nguyễn Khôi viết nhiều tiểu thuyết, truyện ngắn, ký, kịch, tạp văn, lý luận sáng tác, truyện cho thiếu nhi... Điều đáng chú ý là ông không còn viết theo chương trình cho sẵn. Ông viết tự do, ngẫu hứng, có cá tính sáng tạo cao. Có thể thấy sự thay đổi quan niệm sáng tác của Nguyễn Khôi trong các tác phẩm: *Gặp người bạn cũ*, *Chuyến ghé thăm*, *Thơ tình cũ*, *Nghề văn công phu*, *Cái tôi đã mất*... Hơn nữa, tác phẩm bút, Nguyễn Khôi đã vinh danh những tác giả thế hệ sau:

- Xây dựng một gia đình văn học Lê Thanh Ngh (Liên khu III, 1951) và gia đình khuynh khích gia đình văn học Hồ Văn Ngh Việt Nam năm 1951 - 1952.

- *Tìm kiếm* (tặng tập văn học báo Văn Ngh năm 1996)

- *Đàn bà* (gia đình văn học thi truyện ngắn Cây bút vàng do Bùi Văn Ngh và Hồ Văn Ngh nhà văn Việt Nam tổ chức năm 1998)

- Tập truyện ngắn và tạp văn (gia đình văn học Hồ Văn Ngh nhà văn Việt Nam năm 1998)

- Gia đình văn học Hồ Chí Minh (*Gặp người bạn cũ*, *Xung đột*, *Cha và con*, và...)

- Gia đình văn học ASEAN năm 2000.

2. Các giai đoạn sáng tác và những tài chính

Trong một lần trả lời phỏng vấn, Nguyễn Khôi chia quá trình sáng tác của mình thành hai giai đoạn: “Từ năm 1955 tôi sáng tác theo một cách, từ năm 1978 nay theo một cách khác”. Nguyễn Khôi không nhận ra một sự sáng tác của ông trong kháng chiến chống Pháp, có lẽ đây chính là giai đoạn “tập tành” vào nghề.

Chặng đường nghệ thuật thênht của ông c m u t truy n *Mùa xuân Chặng M* (1955) và k t thúc b ng t p ký *Tháng ba Tây Nguyên* (1976). Thời gian này t ng ng v i th i k Nguy n Kh i mi n B c. Lúc b y gi , t n c b chia c t, mi n B c xây d ng CNXH, ch ng chi n tranh phá ho i c a M . C ng nh nhi u v n ngh s khác, ông c ng h ng ngòi bút c a mình vào vi c ph c v các m c tiêu chính tr c a t n c. Tác ph m c a ông giai o n này g m có:

- *Mùa xuân Chặng M* (truy n, 1954)
- *Ng i con gái quang vinh* (truy n ký, 1956)
- *Xung t* (ti u thuy t, 1959)
- *Mùa l c* (t p truy n ng n, 1960)
- *M t ch ng ng* (ti u thuy t, 1962)
- *Hãy i xa h n n a* (truy n v a, 1963)
- *Ng i tr v* (t p truy n v a, 1964)
- *H s ng và chi n u* (ký s , 1966)
- *Hoà Vang* (bút ký, 1967)
- *ng trong mây* (ti u thuy t, 1970)
- *Ra o* (truy n, 1970)
- *Ch t ch huy n* (ti u thuy t, 1972)
- *Chi n s* (ti u thuy t, 1973)
- *Tháng ba Tây Nguyên* (ký, 1976)

Các tác ph m c a Nguy n Kh i giai o n này c ng mang âm h ng chung c a n n v n h c s thi cách m ng. Ông c ng t p trung vi t v nh ng s ki n l n c a dân t c v i c m h ng ng i ca, kh ng nh. Nguy n Kh i v n c g ng xây d ng nh ng m u ng i lý t ng c a th i i cách m ng nh : Bí th t nh y Quang (*Ch t ch huy n*), N m, Hòe, Ngà (*Gia ình l n*), Môn, Th y (*Xung t*), ang, Huy, Thù (*Chi n s*), V nh, Th (*ng trong mây*), Khang, c (*H s ng và chi n u*)...

Giai o n sáng tác th hai c a Nguy n Kh i t ng ng v i th i k ông s ng thành ph H Chí Minh. V n quan tâm c a Nguy n Kh i không còn là chuy n ai

th ng ai mà là ai c, ai m t sau chi n tranh. Ông c ng quan tâm t i công vi c m u sinh trong cu c s ng i th ng, chuy n nhân tình th thái... Nguy n Kh i vi t r t sung s c, s l ng tác ph m r t nhi u:

- *Cách m ng* (k ch, 1978)
- *Cha và con, và...* (ti u thuy t, 1979)
- *G p g cu i n m* (ti u thuy t, 1982)
- *Th i gian c a ng i* (ti u thuy t, 1985)
- *i u tra v m t cái ch t* (ti u thuy t, 1986)
- *Vòng s ng n vô cùng* (truy n, 1987)
- *M t cõi nhân gian bé tí* (ti u thuy t, 1989)
- *M t ng i Hà N i* (t p truy n ng n, 1990)
- *S già chùa Th m và ông i tá v h u* (t p truy n v a, 1993)
- *M t th i gió b i* (t p truy n ng n, 1993)
- *Hà N i trong m t tôi* (t p truy n ng n, 1995)
- *Chút ph n c a i* (truy n ng n và k ch, 1999)
- *Chuy n ngh* (t p v n, 1999)
- *N ng chi u* (t p truy n ng n, 2001)
- *M và các con* (t p truy n ng n thi u nhi, 2002)
- *S ng i* (t p truy n, 2003)
- *Ký s và k ch* (2003)
- *Th ng th i c i* (ti u thuy t, 2003)
- *Ngh v n c ng l m công phu* (truy n và t p v n, 2003)
- *Vòng tròn tr ng r ng* (k ch, 2003)
- *Tuy n t p t p v n* (2004)
- *i tìm cái tôi ã m t* (tùy bút, 2006)

Nguy n Kh i c xem là m t trong nh ng nhà v n m u cho phong trào i m i n n v n h c Vi t Nam. Sau n m 1975, ông chuy n sang th tài th s i t v i gi ng i u suy t , tr m m c. Nhân v t c a ông th ng là nh ng ng i b t h nh,

những trí thức cách mạng “phần tử”, hoặc những người bên kia chỉ n
tuy n... Nguyễn Khôi tìm sự hòa giải dân tộc, một sự yên tĩnh trong tâm hồn sau
Một chuyến đi sống gió...

Nếu xem xét sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Khôi theo các chặng chính thì ta
thấy ông thể hiện vì thế các tài sau:

Tài chiến tranh cách mạng: Nguyễn Khôi vốn là nhà văn quân đội nên ông có
rất nhiều sáng tác về tài chiến tranh. Có thể chia thành hai mảng như sau: Thứ nhất là
tài kháng chiến chống Pháp (*Xây dựng, Ngươi con gái quang vinh, Một chuyến đi sống*
gió...). Thứ hai là tài chiến tranh M (*Hồng và chiến đấu, Hoà Vang, Một chuyến đi sống*
trong mây, Ra đi, Chiến đấu, Chiến đấu, Tháng ba Tây Nguyên...)

Tài xây dựng CHXH: Nguyễn Khôi có dịp đi thực tế sáng tác nhiều vùng
nông thôn nên cũng có nhiều sáng tác phản ánh những cái bất bình đẳng làng
quê miền Bắc những năm đầu hợp tác hóa nông nghiệp (*Xung đột, Ngươi đi đâu, Chiến*
đấu huy động...) Nguyễn Khôi cũng có nhiều lần thực tế sáng tác Tây Bắc nên có
những trang viết sinh động về cuộc sống miền nông trường (tập truyện ngắn *Mùa lúa,*
Hãy đi xa hơn nữa...)

Tài tôn giáo: Nguyễn Khôi quê Nam Định, nên có nhiều tình cảm công giáo.
Thứ nhất chống Pháp, ông cũng hoạt động liên khu III nên cũng có nhiều câu chuyện
phản ánh vùng công giáo. Những tác phẩm về tôn giáo của Nguyễn Khôi đã
gây sự chú ý đặc biệt: *Xung đột, Một chuyến đi sống gió, Ngươi đi đâu...* Sau này vào Nam,
ông lại tiếp tục viết về tôn giáo với một cách nhìn khác, thân tình hơn: *Cha và*
con, và..., Thời gian của người, Gặp gỡ người, Sự già của Thơm và ông đi tá v
hư...

Tài trí thức văn nghệ sĩ: Sau năm 1975, Nguyễn Khôi viết khá nhiều về tài
trí thức văn nghệ sĩ. Trong những tác phẩm này, phản ánh hình bóng cái tôi của tác
giả (*Gặp gỡ người, Thời gian của người, Một người Hà Nội...*). Một số tác phẩm
mang tính tự truyện, kể lại một tác giả hoặc một nhân vật sáng tác như: *Chuyến*

nghe, Sợ hãi, Thờ ơ thì cần, Nghe và ngắm công phu, Tìm cái tôi ẩn
m t...

3. Phong cách nghệ thuật Nguyễn Khôi

3.1. Ngôi bút Nguyễn Khôi thế hệ những nhà văn mang tính thị s và thi t th c

Trong khi nhiều nhà văn có hứng thú khai thác những sự kiện trong quá khứ thì Nguyễn Khôi chú quan tâm tới những sự việc đang diễn ra trong thực tế. Mọi giai đoạn sáng tác, ông có một mối quan tâm riêng. Thời chiến tranh, ông viết về những văn thi sĩ chính trị nóng bỏng. Trong kháng chiến chống Pháp, Nguyễn Khôi là phóng viên chiến trường. Nhà báo Nguyễn Khôi chuyên viết các bài ký phê phán ánh mắt thị các tin tức chiến sự, cuộc chiến đấu. Hòa bình lập lại, miền Bắc bước vào cách mạng. Sau đó tham gia sai, Nguyễn Khôi viết ngay truyện *Xung đột* kết thúc trong báo năm 1957. Chính phủ kêu gọi thanh niên lên Tây Bắc xây dựng kinh tế mới. Nguyễn Khôi cũng hăng hái lên biên giới và viết *Mùa lạc, Hãy đi xa hơn nữa...* Miền ném bom miền Bắc, Nguyễn Khôi cũng không ngại khó khăn nguy hiểm, tiếp tục viết những tác phẩm nổi tiếng: *Hổn loạn và chiến đấu, Hoà Vang, Ngủ trong mây, Ra đi, Chiến sự...* Ông cũng kết thúc tham gia chiến đấu mùa xuân năm 1975 và viết *Tháng ba Tây Nguyên...*

Chiến tranh kết thúc, cách mạng chuyển sang nhiệm vụ mới. Các nhân vật của Nguyễn Khôi cũng theo thời gian chuyển sang làm việc kinh tế. Một ông chủ tá v h u “mở cửa bán trà chén, bánh kẹo, thuốc lá” và “Ông trở thành chủ văn cho những người chuyển r t riêng t” (*Sợ hãi chùa Thập và ông chủ tá v h u*). Trong truyện *Cái thời lãng mạn*, nhân vật “tôi” viết về xã hội Tân - n i “tôi” đã từng ca ngợi trong các tác phẩm *Ngôi nhà trống, Tạm nhìn xa...* L n này, “tôi” không có ý phê phán nhưng mà quan tâm tới chuyển cuộc đời: “Nhà này có chia sẻ bao nhiêu thức? (...) Là những người nào? (...) Mọi vật của nhà này có bao nhiêu tiền? (...) Mọi vật rau có ích không? (...) Nuôi lợn thì vất vả”... Nguyễn Khôi không quan tâm tới

những chuyện vĩ đại mà ông xoay sâu vào những mớ lo lắng hàng ngày của nhân dân lao động.

Vấn đề mang ý nghĩa triết học và thẩm mỹ trong thi bình là làm nên kinh tế, xóa đói, giảm nghèo. Nguyễn Khế sáng tác thành phố Hồ Chí Minh, một trung tâm kinh tế lớn của nước nên ông không thể không quan tâm đến chuyện kinh tế. Những triết học cách mạng từ Bắc vào sông miền Nam thì từ năm 1975 - 1985 thì gần bốn không những trở lại các kinh tế thị trường hay kinh tế bao cấp? Trong truyện *Sông Hồng*, nhân vật "tôi" kể về những năm tháng khó khăn của gia đình mình: "tôi" nhúng vào nhà nước phân phối cho các hộ làm bánh tráng ngoi thành. "Tôi" chuyển sang làm công nhân cách mạng than những công việc gì thì. "Tôi" giúp vợ chồng Tô Hỷ lý hóa công nhân nhà rỗi xin việc làm cho cháu của họ... Những câu chuyện mà Nguyễn Khế kể đều có ý nghĩa triết học, mang tính triết học trong thi bình của ông chuyển mình sang nền kinh tế thị trường. Những vấn đề mà Nguyễn Khế quan tâm công nhân là mối quan tâm của tất cả nhân dân nói chung.

3.2. Truyện của Nguyễn Khế về có kết cấu nghệ thuật, khai thác những hình tượng nghệ thuật, có vẻ đẹp.

Trong thời kỳ 1955 - 1975 miền Bắc, nhiều nhà văn có xu hướng "tô hồng" cuộc sống. Trong tác phẩm của họ, xã hội mới có mặt tốt, mặt đẹp vui vẻ, hàng ngày say làm việc, ai cũng giêng nhau... Trong truyện của Nguyễn Khế, mặt tốt vẻ đẹp, những bên cạnh đó cũng không ít gai góc, phức tạp. Nói về nhân vật "tôi" trong *Gặp người bạn cũ*: "*Tôi thích cái hôm nay, cái hôm nay ngẩng ngang bầu trời, bóng trời và ánh sáng, màu xanh màu đỏ, rực rỡ những bông hoa tím tím là những bông hoa nhiều cho các cây bút thơ sẽ khai phá*"...

Truyện Nguyễn Khế về có kết cấu độc đáo. Truyện, đó là sự sắp xếp - ta trên chi tiết (Chiến sĩ, Hết ngày và chiến sĩ, Tháng ba Tây Nguyên...). Thứ hai là sự sắp xếp hình tượng và giai cấp. Trong truyện *Một chuyến đi*, ban đầu các giáo dân làng Lá theo Việt Minh khác ông những sau đó, một sự chuyển sang

chính cách mạng. Trong *Xung đột*, xã hội chia hai phe, một bên cha Thủy liên minh với cha Quý, một bên các cán bộ Môn, Nhàn, Thủy... Các cha ông, cha là những người có học thức cao, trong khi cán bộ địa phương là những bậc nông nhàn... *Xung đột* còn diễn ra trong nội bộ phe, thậm chí trong một gia đình. Bởi vậy, cuộc tranh công hủ - t hủ, vô thần - hữu thần rặt công thẳng, toan tính mưu lợi của hai tập thể tác phẩm.

Thủy là nhân vật mâu thuẫn trong cách nhìn nhận, đánh giá con người theo quan niệm cũ và mới (*Ngôi trời*). Là sĩ quan, tàn dư xã hội cũ cũng thể hiện ra trong *Anh hùng và người thám tử*, *Chuyến người đi tìm máy kéo*... Nhân vật của Nguyễn Khế có tính hai mặt, vấp ngã, vấp ngã: Ca (*Người trong mây*), An, Lâm (*Chết chui*), Trang, Hà (*Chín*)... Trong *Tìm nhìn xa*, nhân vật Tuy Kỳ là phó chủ nhiệm HTX nông thôn. Ông muốn làm giàu cho bà con xã viên nên liên kết làm việc công trình theo tính toán hai bên cùng có lợi. Ông “có bao nhiêu công lao làm giàu cho tập thể, lợi ích tập thể, thì công có quy định ghé gắm chút ít cho riêng mình”. Các cán bộ xã phê phán Tuy Kỳ, các nhà phê bình văn học cũng kích lo ngại nhân vật “cá nhân chủ nghĩa” này. Tuy nhiên, tác phẩm cũng hé lộ ra vấn đề: nếu không có những cán bộ “tinh khôn”, gì đi làm nhân vật Tuy Kỳ thì bà con xã viên sẽ nghèo khổ. Sau đó, Nguyễn Khế thả nhân vật Tuy Kỳ là mưu đồ mà ông “cố biệt yêu thích”.

Nguyễn Khế cũng xây dựng cốt truyện theo hướng tuyến tính và không gian. Ông thả nhân vật vào vào hai chiều không gian trái ngược nhau: quá khứ miền xuôi nghèo khổ, hiện tại lên Tây Bắc hạnh phúc (*Mùa lạc*). Trong truyện *Một người Hà Nội*, bà Hiền thu được chứng cứ năm 1945, có vẻ đẹp thanh lịch, quý phái. Ngược lại, các nhân vật thanh niên trên tuyến phố Hà Nội thu được chứng cứ thành sau năm 1975, rặt thô tục, thiêu hủy. Nhân vật “tôi” so sánh sự khác biệt giữa Hà Nội và Sài Gòn: “thành phố Sài Gòn rong rong, ô nhiễm, phần cái Hà Nội của mình, và người dân Sài Gòn cũng lịch thiệp nhã nhặn như người dân Hà Nội. Những người nghe nói nói, không một ai hời hợt”... Theo quan niệm truyện tranh, người

Hà Nội thanh lịch hơn người Sài Gòn, nhưng bây giờ người Sài Gòn lại thích khai thác những hình thức nghệ thuật, “có văn” như vậy.

3.3. Người Khái có gì đáng suy tư

Người Khái thể nghiệm triết lý về cuộc sống, về con người, về tôn giáo. Tính triết lý trong văn Người Khái thể hiện qua những tình huống truyện, kết cấu lối đi trong xây dựng nhân vật. Tính triết lý của người Khái thể hiện rõ nét nhất qua ngôn ngữ nhân vật và tác giả. Vậy, ta phân biệt ba trường hợp: triết lý của nhân vật, triết lý của nhân vật hiện thân cho tác giả và triết lý của chính Người Khái.

Nhân vật của Người Khái thể nghiệm triết lý, nhất là giới linh mục và trí thức. Người Khái mong muốn có một sự hòa hợp giữa cái thiêng và cái trần tục, giữa cái thánh và cái đời. Triết lý yếu tố cơ bản của triết lý của người Khái là triết lý của nhân vật Cha Th: *“Chúa cùng và trong những ngày trung thực, chết phác, những ngày lao động chúng tôi không nhàn... vì vì giáo huấn, tuân theo ý muốn của giáo huấn, ta sẽ hòa hợp tất cả”* (Cha và con, và...).

Giới trí thức của người Khái thể hiện qua ngôn ngữ triết lý. Tiểu thuyết *Giấc mơ* trình bày diễn biến triết lý của các nhân vật thuộc nhiều thành phần khác nhau trong xã hội và cũng mang nhiều hướng khác nhau. Hình ảnh về cái đẹp trong cuộc sống. Khi Chàng hỏi *“Con có tin tôi không?”* thì Bình trả lời: *“Nếu tôi là một khoa học chính xác thì tôi sẽ đi xuống (...). Sự sống là bí mật. Cháu ham sống vì trẻ con mà mình luôn luôn là cái bí mật, là cái chết, cái không thể hiểu. Nếu như cháu biết chắc chắn cháu sẽ đi xuống, đi xuống, cháu sẽ đi xuống, cái biết trẻ con sẽ đi xuống vì trẻ con yêu. Tất cả đều biết trẻ con thì tôi sẽ đi xuống vui thú vui thú vô nghĩa, sẽ không có hy vọng và thất vọng, không có mất mát, không có phiêu lưu, không có đấu tranh, không có tôn giáo, không có chiến tranh. Là một sự trở lại”*.

Thông thường, Người Khái muốn làm nhân vật nào nói những triết lý của mình. Trong tiểu thuyết *Chiến sĩ*, tác giả miêu tả nhân vật Huy bị lạc

v, i nhi u n i, s ng nhi u binh ch ng, nghe k nhi u câu chuy n ly k trong chi n u. M i câu chuy n nh v y u c l ng ghép vào nh ng l i bình lu n. Ch ng h n, nhân v t Huy phát bi u: “*h ã t xác nh là n v c a t p th , có th là m t n v có ý th c nh t nh ng v n thu c v c a t p th . T p th nh là Chi b , là i i, là quê h ng, t p th l n là ng, là quân i, là dân t c. L n h n n a là giai c p vô s n trên toàn th gi i*”. ây là m t “ nh ngh a t p th ”. L p lu n này là c a cán b tuyên hu n Nguy n Kh i ch không h n là c a anh chàng b i Huy còn tr m ng. Trong tr ng h p này, ng i ta nói r ng, nhân v t là cái loa phát ngôn cho t ng tác gi .

Ti u thuy t *Th ng thì c i* có d ng t truy n nh ng nhân v t l i x ng “h n”. Nhân v t “h n” k l i quá kh , th c ra là Nguy n Kh i nhìn l i i mình: “*H n ã là ng i c a Hà N i ch không còn thu c v m t vùng quê n ào c*”. “H n” chêm t s tác ph m c a mình trong quá kh , ví d , truy n ký *Ng i con gái vinh quang* “*ã bi n n anh hùng M c Th B i thành ng i con gái Nga Jô i -a*”. “H n” t nh n th y r ng: “*Cái b t ch c, cái nhái l i, cái tình nguy n làm b n sao t i, tr c sau c ng b s c s ng t i m n c a dân t c lo i b*”. Tuy nhiên, c ng có lúc ng i tr n thu t phát hi n mình h i sa à làm l di n m i quan h gi a “h n” và “tôi”: “*Ô hay, “h n” g n “trùng khít” v i tôi nh ng không ph i là tôi. Nhân v t ti u thuy t mà*”. Ta c ng g p cái bóng c a cái tôi - Nguy n Kh i trong *S ng i, M t gi t n ng nh t, M t ng i Hà N i...*

Cái “tôi” c a Nguy n Kh i th ng th hi n rõ trong ký. Trong *t kinh k* , nhân v t “tôi” - Nguy n Kh i r t ng ng m cách s ng c a Kim Lân. Nguy n Kh i nh n nh: “*V n ch ng âu ph i là th dành c, p l nh c, không dùng tr c thì dùng sau ho c dùng d n. Nó là s s ng mà, l i là ph n thiêng liêng, mong manh, d m t nh t c a s s ng*”. Ta c ng th ng g p gi ng i u tri t lý c a Nguy n Kh i qua các bài bàn v ngh v n nh : *N u nh trái tim tôi...*, *Ngh v n c ng l m công phu, Ng i vi t và sách in, Tôi vi t v y thì tôi t n t i...*

❖ K t l u n

H n n a th k c m bút, Nguy n Kh i có nhi u c ng hi n l n trên l nh v c ngh thu t. Nh ng tác ph m c a ông luôn bám sát i s ng th c t i, k p th i ph n ánh nh ng v n n i c m, c nhi u ng i dân quan tâm. Không ch ph n ánh y tính hai m t c a hi n th c, Nguy n Kh i còn a ra nh ng tri t lý, g i ý, ki n ngh v i mong mu n cho xã h i t t p h n. M i giai o n sáng tác, ông có m t m i b n tâm riêng, có lúc gác “cái tôi” ph c v cái chung. Khi v già l i v t v “ i tìm cái tôi ã m t”. Ông ã tìm c h ng thú khi khai m h ng i m i cho v n h c. Nguy n Kh i là m t trong nh ng nhà v n tinh anh ã góp ph n i m i n n v n h c Vi t Nam.

❖ *Câu h i th o l u n và ôn t p*

1. Phân tích hi n th c làng quê B c B bu i u kháng chi n ch ng Pháp qua nh ng góc nhìn khác nhau c a , Hoàng (*ôi m t* - Nam Cao) và ông Hai (*Làng* - Kim Lân)
2. Cho bi t nh ng v n gây tranh cãi v ti u thuy t *Cái sân g ch c a ào V* (ho c ti u thuy t *ng rác c c a* Nguy n Công Hoan)
3. Phân tích nh ng c i m c a th lo i ti u thuy t s thi qua tác ph m *C a bi n c a* Nguyên H ng (ho c *V b c a* Nguy n ình Thi)
4. Phân tích quan ni m ngh thu t v con ng i m i XHCN qua ti u thuy t *Bão bi n c a* Chu V n (ho c *D u chân ng i lính c a* Nguy n Minh Châu)
5. Phân tích phong cách ngh thu t Tô Hoài qua hai tác ph m: *D Mèn phiêu l u ký* và *V ch ng A Ph* .
6. Hãy ch n phân tích hai tác ph m c a Nguy n Kh i làm sáng t nh ng c i m sáng tác c a ông qua m i th i k .

TÀI LI U THAM KH O

Tài li u chung

1. Phan C , Hà Minh c - *Nhà v n Vi t Nam (1945 - 1975)* (2 t p) - NXB H & THCN, H. 1979.
2. Phan C (ch biên) - *V n h c Vi t Nam th k XX* - NXB Giáo d c, H. 2005
3. Nguy n ng M nh (ch biên) - *V n h c Vi t Nam 1945 - 1975* (2 t p) - NXB Giáo d c, H. 1988
4. Nguy n ng M nh, Nguy n V n Long - *L ch s v n h c Vi t Nam* (t p 3) - NXB HSP, 2010.
5. Mã Giang Lân - *V n h c Vi t Nam 1945 - 1954* - NXB H & THCN, H. 1990
6. Mã Giang Lân, Lê c ô - *V n h c Vi t Nam 1954 - 1964* - NXB H & THCN, H. 1990
7. Nguy n V n Long (ch biên) - *Giáo trình V n h c Vi t Nam hi n i* (t p 2) - NXB HSP, H. 2013.
8. Nguy n Bá Thành, Bùi Vi t Th ng - *V n h c Vi t Nam 1965 - 1975* - NXB H & THCN, H. 1990

Tài li u cho ph n th

9. V Tu n Anh - *N a th k th Vi t Nam 1945 - 1995* - NXB KHXH, H. 1998
10. Trúc Chi - *30 n m m t n n th cách m ng* - NXB Thanh niên, H. 1999
11. Hà Minh c - *Th và m y v n trong th Vi t Nam hi n i* - NXB Giáo d c, H. 1998
12. Mã Giang Lân - *Ti n trình th Vi t Nam hi n i* - NXB Giáo d c, H. 2000
13. Nhi u tác gi - *Th Vi t Nam 1945 - 1985* - NXB Tác ph m m i, H. 1985
14. Nhi u tác gi - *T H u - v tác gia và tác ph m* - NXB Giáo d c, H. 1999
15. Nhi u tác gi - *Ch Lan Viên - v tác gia và tác ph m* - NXB Giáo d c, H. 2000

Tài liệu cho phần văn xuôi

16. Vũ Tuấn Anh, Bích Thu - *Tuyển tập tác phẩm văn xuôi Việt Nam* (t. 2) - NXB Giáo dục, H. 2006
17. Phan Cẩm - *Tiểu thuyết Việt Nam hiện đại* - NXB Khoa học & Kỹ thuật, H. 1974 - 1975
18. Phạm Ngọc Hải - *Tiểu thuyết Việt Nam 1945 - 1975* - NXB Văn học, H. 2010.
19. Phong Lê - *Một văn xuôi Việt Nam 1945 - 1970* - NXB KHXH, H. 1972
20. Phùng Ngọc Kim - *Con người trong truyện ngắn Việt Nam 1945 - 1975* - NXB HQG Hà Nội, 1998.
21. Nhà xuất bản - *Tô Hoài - văn tác gia và tác phẩm* - NXB Giáo dục, H. 2000
22. Nhà xuất bản - *Nguyễn Khôi - văn tác gia và tác phẩm* - NXB Giáo dục, H. 2001